

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải xây dựng Quy hoạch

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhà nước, sự nghiệp văn hoá tỉnh Đồng Nai đã có bước phát triển tương đối toàn diện. Công tác quản lý nhà nước, phát triển sự nghiệp văn hóa không ngừng được đẩy mạnh, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất của hệ thống thiết chế văn hoá từ tỉnh đến cơ sở từng bước được đầu tư xây dựng. Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật giàu bản sắc văn hoá được sáng tạo và phổ biến, các cơ sở văn hóa từng bước được đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới. Qua đó, đã góp phần làm phong phú, đa dạng trong sinh hoạt văn hoá và không ngừng nâng cao mức hưởng thụ văn hoá tinh thần cho nhân dân, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Trong những năm qua, ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể: Tư tưởng, đạo đức, lối sống của đại bộ phận nhân dân đã có những chuyển biến quan trọng; nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được đề cao và phát huy; nhận thức về giá trị di sản và văn hóa truyền thống trong cộng đồng dân cư được nâng cao, tạo được sự đồng thuận và nguồn lực xã hội trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; văn học nghệ thuật có bước phát triển mới, có những biến đổi sâu sắc, đạt nhiều thành tựu, đóng góp tích cực vào quá trình dân chủ hóa, xã hội hóa, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần. Giao lưu văn hóa với nước ngoài từng bước được mở rộng, cùng quá trình đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế của tỉnh; việc xây dựng các thiết chế văn hóa cũng đã chú ý đến những yêu cầu trong thời kỳ mới.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai còn tồn tại những hạn chế nhất định: Những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa đủ mạnh để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống. Chất lượng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở còn nhiều mặt hạn chế. Di sản văn hóa đang đứng trước nhiều thách thức, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển.

Việc bảo tồn chưa được triển khai theo một quy hoạch, kế hoạch dài hạn nên thường bị động. Chưa có sự phối hợp đồng bộ quy hoạch bảo tồn di sản với quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các ngành khác trong tỉnh. Hoạt động văn học nghệ thuật còn những bất cập nhất định. Giao lưu văn hóa còn thiếu chủ động, chưa tạo được nhiều nguồn lực để mở rộng hợp tác giao lưu. Công tác xây dựng thể chế văn hóa chưa được quan tâm đúng mức, chậm đổi mới: Các văn bản pháp luật về văn hóa còn thiếu đồng bộ; đội ngũ cán bộ quản

lý văn hóa, nhất là ở địa phương và cơ sở luôn biến động, chưa đáp ứng được yêu cầu; hệ thống các thiết chế văn hóa cơ sở nhìn chung trong tình trạng xuống cấp, chắp vá, thiếu đồng bộ và hiệu quả sử dụng chưa cao. Việc đầu tư xây dựng các hạng mục của thiết chế văn hóa cơ sở (Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng, Nhà văn hóa) ở hầu hết các xã, phường, thị trấn; các ấp, khu phố chưa hoàn chỉnh, còn mang yếu tố tự phát, thiếu sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, dẫn tới thực trạng nhiều công trình được đầu tư xây dựng nhưng quy mô không hợp lý nên không phát huy được hiệu quả hoạt động theo công năng của thiết chế. Một số địa phương bố trí địa điểm xây dựng thiết chế văn hóa và công trình thể thao ở những vị trí khác nhau gây nên tình trạng lãng phí đất đai, không thuận tiện cho quản lý và tổ chức hoạt động, không đảm bảo về cảnh quan.

Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là đáp ứng nhu cầu trong thực tiễn quản lý nhà nước của ngành, khắc phục được những yếu kém, thiếu tính đồng bộ trong quá trình chỉ đạo, điều hành. Quy hoạch xác định rõ được các mục tiêu dài hạn, giải quyết các mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác, đề ra các giải pháp đồng bộ và bước đi thích hợp để thực hiện, huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển. Quy hoạch là khung định hướng lớn, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ phải nâng cao hơn nữa tính hiệu quả và tính hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về văn hóa, trong bối cảnh nước ta đã và đang thực hiện những bước chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường với sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Quy hoạch này đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, với mục tiêu xây dựng văn hóa và con người Đồng Nai phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là sự kế thừa và phát huy những điểm mạnh của các quy hoạch, đề án, dự án, chuyên đề đã có, đồng thời xây dựng các nội dung mới phù hợp trong bối cảnh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong phạm vi nghiên cứu theo từng lĩnh vực: Tư tưởng, đạo đức, lối sống, đời sống văn hoá; di sản văn hoá; văn học, nghệ thuật; giao lưu văn hoá; thể chế và thiết chế văn hoá. Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, định hướng và đầu tư phát triển sự nghiệp văn hoá tỉnh Đồng Nai đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

2. Các căn cứ để xây dựng quy hoạch

a. Các văn kiện, nghị quyết của Đảng

- Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI.
- Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (khoá IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII).
- Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.
- Nghị quyết số 53/2006/NQ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.
- Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Đồng Nai lần thứ IX và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh 5 năm 2011 - 2015.

b. Các căn lý pháp lý

- Luật Điện ảnh sửa đổi, bổ sung của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 ngày 18/6/2009.
- Luật Di sản văn hóa sửa đổi, bổ sung của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 ngày 18/6/2009.
- Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 ngày 19/6/2009.
- Luật Xuất bản sửa đổi, bổ sung của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 ngày 03/6/2008.
- Luật Quảng cáo được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 ngày 21/6/2012.
- Pháp lệnh Thư viện số 31/2000PL-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/12/2000.
- Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg ngày 23/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg ngày 07/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam đến năm 2010.

- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 05/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”.

- Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012 - 2020”.

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 25/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mỹ thuật đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 19/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/9/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy

hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

- Quyết định số 1913/QĐ-BVHTTDL ngày 22/5/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình phối hợp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Chỉ thị số 79/CT-BVHTTDL ngày 22/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Quyết định số 3067/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực nhóm ngành Văn hóa, Thể thao giai đoạn 2011 – 2020.

- Quyết định số 2120/QĐ-BVHTTDL ngày 9/7/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đính kèm Thông tư Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Thông tư Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn).

3. Nội dung Quy hoạch

Nội dung, phương pháp xây dựng Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được nghiên cứu theo các phần sau đây:

- **Phần 1:** Đánh giá tổng quan tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai.

- **Phần 2:** Hiện trạng phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2014.

- **Phần 3:** Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

- **Phần 4:** Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Kết luận và kiến nghị

Phần 1

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH VĂN HÓA TỈNH ĐỒNG NAI

I. Đánh giá tổng quan các điều kiện tự nhiên

1. Vị trí địa lý

Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với diện tích tự nhiên là 5.907,24 km²; phía tây giáp tỉnh Bình Dương, phía bắc giáp tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng, phía đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía tây nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và phía nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỉnh Đồng Nai nằm trên những mạch giao lưu văn hóa và di dân vào các tỉnh Đông Nam bộ và các tỉnh phía nam vì tỉnh nằm trên trục đường xuyên Á với hệ thống cảng, sân bay và mạng lưới đường giao thông thuận lợi.

2. Khí hậu thời tiết

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo, gió mùa với tổng lượng bức xạ cao và ổn định từ 390 - 556 cal/cm²/ngày, nhiệt độ bình quân cao đều quanh năm từ 23,9°C - 29,0°C, tổng tích ôn lớn từ 9.417°C - 9.782°C/năm, số giờ nắng nhiều từ 2.475,7 giờ/năm và ít bão. Khí hậu ổn định là một lợi thế cho phát triển giao lưu văn hóa và cuộc sống của nhân dân.

3. Tài nguyên đất đai

Tỉnh Đồng Nai nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, địa hình thấp dần từ đông bắc xuống tây nam, bao gồm 3 dạng chủ yếu: Địa hình đồi núi thấp 200 - 800 m, chiếm 8% diện tích; địa hình đồng bằng lượn sóng 20 - 200 m, chiếm 80% diện tích; địa hình bãi bồi ven sông có độ cao dưới 20 m, chiếm 12% diện tích tự nhiên. Điều kiện địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai khá rộng rãi với nhiều vùng có thổ nhưỡng thích hợp cho phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới có giá trị kinh tế cao, nền đất cứng thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình kiến cố để phát triển các ngành kinh tế - xã hội nói chung và ngành văn hóa nói riêng.

4. Đặc điểm địa hình, địa chất và thủy văn

a. Địa hình, địa chất

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng địa hình bình nguyên, hướng thấp dần từ bắc xuống nam và có thể chia thành 3 dạng địa hình chính như sau: Dạng địa hình núi thấp bao gồm các núi sót rải rác thuộc phần cuối của dãy Trường Sơn, có độ cao biến động từ 200 - 700m độ dốc phổ biến trên 20°, chiếm khoảng 8% diện tích tự nhiên; dạng địa hình đồi lượn sóng, chiếm 82% diện tích tự nhiên, phân bố ở hầu

khắp các huyện, loại đất chủ yếu là bazan và phù sa cổ; dạng địa hình đồng bằng là các dải phù sa hoặc dốc tụ phân bố ven sông rạch, chiếm 10% diện tích tự nhiên. Địa hình đa dạng mang lại điều kiện phát triển các ngành kinh tế - xã hội nói chung và các hoạt động văn hóa đa dạng.

b. Thủy văn

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt được cung cấp bởi hệ thống sông Đồng Nai, bao gồm các sông như: Sông Đồng Nai dài 610 km, sông La Ngà dài 210 km, sông Ray dài 88 km. Các sông, suối nhỏ là: Sông Lá Buông dài 52 km, suối Tam Bung dài 23 km, suối Cả dài 38 km, sông Thao dài 18 km. Ngoài ra còn một số suối nhỏ như: Suối Gia Ui, suối Đa Công Hoi, suối Gia, suối Gia Liêu, suối Lúp, suối Vọng, suối Rét, suối Gia Huynh, suối Le, suối Trầu, suối Quýt.

- Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm của Đồng Nai khá phong phú và lưu lượng lớn nhưng phân bố không đều, như sau: Vùng có tiềm năng khai thác lớn gồm một phần phía đông thị xã Long Khánh và các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, một phần phía tây huyện: Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc; vùng có tiềm năng khai thác trung bình gồm một phần phía tây thành phố Biên Hòa, các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành và Nhơn Trạch; vùng có tiềm năng nước ngầm nghèo gồm một phần phía đông các huyện: Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc; vùng có nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn gồm toàn bộ huyện Nhơn Trạch và một phần phía tây nam huyện Long Thành.

- Chế độ thủy văn: Do sự phân hóa giữa hai mùa khí hậu khá sâu sắc; cộng thêm sự tác động của con người làm cho thảm phủ ở các lưu vực gần như cạn kiệt, ngoại trừ rừng đầu nguồn của hồ Trị An nên dòng chảy ở hai mùa cũng có nhiều nét khác biệt: Mùa khô, nước sông suối cạn kiệt, nhiều nơi thiếu nguồn nước nghiêm trọng; ngược lại, trong mùa mưa nguồn nước dư thừa thường xảy ra hiện tượng ngập úng; thậm chí nhiều nơi còn bị lũ quét; ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân.

5. Tài nguyên tự nhiên

a. Tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

Đến năm 2014, diện tích rừng của tỉnh Đồng Nai là 177.939 hecta, độ che phủ 30,1%; trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 119.950 hecta và diện tích rừng trồng là 57.989 hecta. Rừng của tỉnh Đồng Nai trước đây là rừng nguyên sinh được hình thành dưới ảnh hưởng tương tác và tổng hợp của những điều kiện tự nhiên trong vùng như đặc điểm về vị trí địa lý, sự đa dạng trong cấu tạo địa hình và tính chất thổ nhưỡng kết hợp với chế độ khí hậu ẩm nhiệt đới góp phần hình thành và phát triển hệ thực vật và động vật phong phú:

- Vườn Quốc gia Cát Tiên có nhiều loại gỗ quý như: Cẩm lai, trắc, gỗ đỏ, trai, giáng hương; nhiều loại thú quý hiếm như: Voi, công xanh, trĩ, sao, cá sấu...không chỉ có giá trị kinh tế, tài nguyên rừng còn đem lại nguồn dược liệu quý hiếm, khoảng 240 cây lá thuốc và hàng trăm động vật là dược liệu tốt cho Đông y.

- Các khu rừng cảnh quan như: Rừng ven hồ Trị An ở Vĩnh Cửu, rừng thác Mai - hồ nước nóng ở Định Quán, rừng Sác ở Nhơn Trạch, Long Thành...có nhiều tiềm năng du lịch sinh thái.

- Các cảnh quan hệ sinh thái rừng Đồng Nai gắn liền với các di tích lịch sử của nhiều căn cứ địa cách mạng, giữ vị trí chiến lược quan trọng về mặt quốc phòng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Tiêu biểu cho di tích này là căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ, căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) ở Vĩnh Cửu và Chiến khu rừng Sác ở Long Thành, Nhơn Trạch.

Thảm thực vật rừng ở Đồng Nai thuộc hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới gió mùa mưa nhiều với hệ thực vật, động vật đa dạng về chủng loài. Các kiểu rừng tự nhiên cơ bản có: Kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới và kiểu rừng kín nửa rụng lá nhiệt đới ẩm với các họ thực vật đặc trưng là: Tre, dẻ, kim giao, dầu, bằng lăng, bàng. Tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai (Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai đã được UNESCO/MAB phê chuẩn) về tài nguyên thực vật có 1.401 loài thuộc 623 chi, 156 họ, 92 bộ, 10 lớp, thuộc 6 ngành khác nhau; tài nguyên động vật có 1.621 loài, trong đó thú có 85 loài, chim có 259 loài, bò sát có 64 loài, ếch nhái có 33 loài, côn trùng có 1.189 loài; tài nguyên về thủy sản có 99 loài cá.

b. Tài nguyên khoáng sản

Các loại khoáng sản có ở tỉnh Đồng Nai không nhiều, trữ lượng không lớn để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng có qui mô. Tuy nhiên, nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng tương đối nhiều, không những cung cấp đủ phục vụ công nghiệp vật liệu xây dựng trong tỉnh mà còn cung cấp cho các tỉnh lân cận. Các khoáng sản có thể khai thác bao gồm:

- Nhóm khoáng kim loại: Có 19 mỏ và điểm quặng gồm; 2 mỏ laterit bôxít, 17 mỏ và điểm quặng vàng, một số điểm có dấu hiệu khoáng hóa chì - kẽm, vàng - bạc, caxiterit. Khoáng hóa vàng tập trung chủ yếu ở phía bắc của tỉnh (các huyện: Tân Phú, Định Quán và Vĩnh Cửu) nhìn chung hàm lượng thấp, riêng mỏ Vĩnh An và điểm quặng suối Ty dự báo có trữ lượng triển vọng.

- Nhóm khoáng phi kim: Có kaolin, bột màu tự nhiên, đá vôi, thạch anh và nguyên liệu xây dựng như: Đá, cát, sét, puzolan. Kaolin có ở các huyện: Vĩnh Cửu, Long Thành và Nhơn Trạch; sét phân bố rộng rãi ở 25 điểm trong tỉnh, tập

trung ở Long Thành; đá xây dựng có ở nhiều nơi trong tỉnh với 50 điểm, tập trung nhiều ở các huyện: Xuân Lộc, Thống Nhất, Vĩnh Cửu và Long Thành; mỏ cát có ở thượng nguồn sông Đồng Nai và sông La Ngà.

6. Tài nguyên văn hóa nhân văn

a. Dân cư, dân tộc

Trong quá trình hình thành và phát triển, tỉnh Đồng Nai là vùng đất hội tụ của nhiều tộc người sinh sống với những sắc thái văn hóa khác nhau. Sự phát triển giao thương của tỉnh Đồng Nai với các vùng khác khá phát triển cộng với sự phát triển công nghiệp tạo ra sự giao thoa của nhiều phong tục tập quán, đã hình thành một lối sống cởi mở và phóng khoáng của người dân Đồng Nai.

Năm 2014, cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm 37 dân tộc, trong đó: Dân tộc Kinh chiếm 93% dân số, còn lại là các dân tộc thiểu số chiếm 7% tổng dân số. Tuy tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh không cao nhưng luôn được nhà nước, chính quyền quan tâm, tạo điều kiện để các cộng đồng người dân tộc thiểu số được tham gia đóng góp công sức vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương và đất nước.

Trên địa bàn tỉnh có 4 dân tộc thiểu số bản địa là: Choro, Mạ, S'Tiêng, Kơ Ho, còn lại đa phần dân tộc thiểu số đến từ các tỉnh phía bắc như: Tày, Nùng, Dao, Thái, Mường, Hà Nhì, Sán Chay... và một bộ phận cộng đồng người Hoa. Đồng bào dân tộc thiểu số ở Đồng Nai ít sống tập trung thành làng riêng biệt mà chủ yếu sống xen kẽ với người Kinh ở khắp các địa bàn. Phần lớn địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, điều kiện đi lại còn nhiều khó khăn. Vốn văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh rất đa dạng và phong phú, chủ yếu tồn tại ở dạng văn hóa dân gian, thông qua các loại hình như: Truyền miệng, âm nhạc, lễ hội, tín ngưỡng, ẩm thực, các điệu múa... Ngoài ngôn ngữ chung là tiếng Việt, các dân tộc thiểu số đều có tiếng nói riêng; dân tộc Hoa có chữ viết riêng.

b. Các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa

Tỉnh Đồng Nai hiện có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa bao gồm nhiều loại hình như: Di tích cách mạng, di tích lịch sử, di tích khảo cổ học, di tích kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh. Một số di tích tiêu biểu như: Chùa Đại Giác tại xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, được xếp vào loại di tích lịch sử và nghệ thuật; đình Tân Lâm tại phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa là di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật...

Các di tích lịch sử văn hóa tập trung phần lớn tại thành phố Biên Hòa. Các di tích lịch sử, cách mạng bao gồm các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như: Chùa Cô Hồn, đình Tân Lâm, đền Nguyễn Hữu Cảnh... và các công trình từng là

“chứng nhân” lịch sử về một thời quá khứ hào hùng của vùng đất miền Đông gian lao mà anh dũng như: Nhà Xanh, nhà lao Tân Hiệp, căn cứ Trung ương Cục miền Nam, căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ, địa đạo Nhơn Trạch, căn cứ Rừng Sác... Nhóm di tích lịch sử, cách mạng là cơ sở để phát triển những tour chuyên đề về nguồn, giáo dục truyền thống cách mạng, học tập và nghiên cứu lịch sử.

Các di tích được xếp vào nhóm thắng cảnh, kiến trúc, nghệ thuật, khảo cổ học chứa đựng những giá trị to lớn về nhiều mặt. Nổi bật trong nhóm này là: Mộ Cự thạch Hàng Gòn là di tích khảo cổ học; khu du lịch Bửu Long là di tích danh thắng; khu đá chông Định Quán là di tích thắng cảnh; đình Tân Lâm là di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật... Theo quy hoạch du lịch tổng thể vùng Nam Trung bộ đến 2010, mộ Cự thạch Hàng Gòn được xác định là điểm du lịch văn hóa cấp quốc gia. Khu du lịch Bửu Long và khu đá chông Định Quán, với những giá trị cao về văn hóa và tự nhiên có thể định hướng phát triển thành những trọng điểm du lịch của tỉnh.

Những câu chuyện, truyền thuyết, lịch sử, sự kiện gắn với quá trình hình thành và phát triển các di tích như: Chùa Đại Giác gắn với chuyện Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh - con Chúa Nguyễn Ánh, sau là Vua Gia Long, trên đường chạy trốn quân Tây Sơn đã đến trú tại đây 2 ngày; Nhà Xanh - nơi lưu dấu sự kiện lịch sử 2 người lính Mỹ đầu tiên chết trong chiến tranh Việt Nam; mộ Cự thạch Hàng Gòn - minh chứng về thời đại kim khí cách đây khoảng 2.500 năm, kỳ tích của người cổ Đồng Nai trong vận chuyển, điêu khắc, kiến tạo hầm mộ với những tảng, trụ đá nặng hàng chục tấn mà nguồn liệu khai thác cách Hàng Gòn hàng trăm km; đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh - gắn liền với sự kiện Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong thành lập dinh Tân Biên và dinh Phiên Trấn mở ra thời kỳ mới trong công cuộc khẩn hoang khai phá vùng đất Nam Bộ... có thể được tận dụng để phát triển sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng và đặc sắc.

Nhìn chung, các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tập trung với mật độ tương đối cao ở thành phố Biên Hòa. Do vậy khi xây dựng các chương trình du lịch của tỉnh Đồng Nai, cần dựa trên quan điểm phát triển hài hoà giữa các huyện, thị xã, thành phố.

c. Các lễ hội

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Lễ hội ở tỉnh Đồng Nai được chia thành các loại sau:

- Lễ hội mang tính quốc gia: Tết Nguyên Đán, tết Trung Thu, giỗ tổ Hùng Vương, giỗ Đức thánh Trần Hưng Đạo...

- Lễ hội làng xã truyền thống: Cúng đình, cúng vía trời đất, cúng bà, Tả tài phán...

- Lễ hội của các dân tộc thiểu số: Cúng thần lúa (Sayangva), cúng thần rừng, đâm trâu, cầu an...

- Lễ hội tôn giáo: Phật Đản, Vu Lan, Giáng Sinh, Phục Sinh, Thượng Nguyên, Ramadan...

- Lễ hội kỷ niệm những sự kiện lịch sử của Việt Nam: Quốc khánh, ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước...

- Lễ hội kỷ niệm những sự kiện lịch sử Đồng Nai: Kỷ niệm (300 năm, 310 năm) hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, lễ hội truyền thống cách mạng tại Chiến khu Đ, chiến thắng La Ngà, chiến thắng sân bay Biên Hòa, chiến thắng Xuân Lộc...

d. Các nghề và làng nghề truyền thống

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có các nghề và làng nghề truyền thống như: Đan lát, mây tre tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa; đan sọt tại xã Phú Sơn, huyện Tân Phú; trồng dâu nuôi tằm tại xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú và xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc; may thêu, kết cườm, dệt vải tại phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa; dệt thổ cẩm tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú và thị trấn Định Quán, xã Túc Trưng, huyện Định Quán; gỗ mỹ nghệ tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom; chạm khắc đá tại phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa; gốm mỹ nghệ tại xã Tân Hạnh và xã Hóa An, thành phố Biên Hòa; chế biến tinh bột tại xã Trà Cổ, huyện Trảng Bom; nghề bánh tráng tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu; trồng bưởi tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu; trồng và chế biến các sản phẩm từ chuối tại huyện Định Quán và huyện Tân Phú; trồng chôm chôm, sầu riêng tại thị xã Long Khánh...

d. Các công trình, giá trị văn hóa khác

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn lưu giữ một số hiện vật, công trình văn hóa vật thể và các giá trị văn hóa phi vật thể. Việc xem xét đánh giá đúng các giá trị văn hóa này có thể giúp chọn ra được những giá trị phù hợp cho việc phát triển du lịch, như sau:

- Nhà cổ: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn một số ngôi nhà cổ tại các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa. Một số ít ngôi nhà cổ được trùng tu, tôn tạo, nổi bật nhất là nhà từ đường họ Đào tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, nhà từ đường họ Trần tại phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa. Nhà cổ là công trình văn hóa có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật cao và có thể xếp vào hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn. Do đó, cần

điều tra và hệ thống lại những ngôi nhà cổ để kết hợp tham quan và khai thác du lịch.

- Văn miếu Trấn Biên: Đây là công trình văn hóa mang tính hiện đại, gọi về một thời kỳ lịch sử của đất Biên Hòa. Năm 1715, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Trấn thủ Nguyễn Phan Long và Ký Lục Phạm Khánh Đức chọn thôn Tân Lại, tổng Phước Vĩnh (nay là phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa) để xây dựng Văn miếu Trấn Biên, có vai trò như một trung tâm văn hóa - giáo dục của vùng đất này. Văn miếu Trấn Biên là văn miếu đầu tiên ở Nam Bộ. Hàng năm, vào ngày đình mùa xuân và mùa thu, đích thân chúa Nguyễn đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ. Văn miếu Trấn Biên là điểm đến của nhiều du khách đến tham quan tìm hiểu văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai. Văn miếu đang tiếp tục quá trình thi công xây dựng giai đoạn 2 là khu dịch vụ. Điểm thuận lợi là Văn miếu Trấn Biên nằm trong khu du lịch Bửu Long nên có thể kết hợp với khu du lịch này tạo thành một quần thể du lịch danh thắng văn hóa rất lý tưởng.

- Bảo tàng tỉnh Đồng Nai: Là nơi trưng bày và lưu giữ các hiện vật văn hóa, những di vật khảo cổ qua các thời kỳ, trong đó có rất nhiều hiện vật không thể thấy được ở các bảo tàng khác. Đây là một trong những bảo tàng lớn của Nam Bộ phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu nghiên cứu, học tập, tìm hiểu về văn hóa lịch sử, các chương trình tour về nguồn, giáo dục truyền thống văn hóa cách mạng là một điểm đến có giá trị.

- Đặc sản ở các địa phương: Là những món ăn, thực phẩm...ở dạng thô hay đã qua chế biến mà hương vị thật sự của nó chỉ có được ở riêng địa phương tạo ra nó. Các loại đặc sản của tỉnh Đồng Nai, gồm: Bưởi và các món ăn, thức uống được chế biến từ bưởi như: Rượu bưởi, chè bưởi, gói bưởi, nem bưởi; từ bắp Tân Triều tại huyện Vĩnh Cửu như: Chả bắp, chè bắp; rượu Bền Gỗ tại thành phố Biên Hòa, rượu cần, cơm lam tại huyện Tân Phú; xôi chiên phồng ăn với gà nướng, lẩu tôm Năm Ri tại thành phố Biên Hòa,...

- Các giá trị văn hóa phi vật thể: Do đặc điểm hợp cư của nhiều dân tộc nên văn hóa Đồng Nai rất đa dạng phong phú. Một số giá trị văn hóa phi vật thể đặc trưng như: Các điệu múa, điệu hát, trường ca, công chiêng của tộc người Choro, Mạ, S Tiêng tại các huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu và thị xã Long Khánh; đờn ca tài tử tại các huyện: Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa; ca nhạc dân tộc, ca nhạc hiện đại tại thành phố Biên Hòa,... Về lâu dài, cần khôi phục những giá trị văn hóa đã mai một, phát huy và giữ gìn, bảo vệ những nét văn hóa hiện tại tạo cơ hội nhiều hơn cho việc khai thác du lịch văn hóa.

II. Đánh giá tổng quan hiện trạng kinh tế - xã hội

1. Hiện trạng kinh tế - xã hội

a. Tình hình phát triển kinh tế

Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương GRDP tỉnh Đồng Nai bình quân hàng năm đạt 13,2%/năm trong giai đoạn 2001 - 2010, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của vùng Đông Nam bộ là 12,6%/năm. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương GRDP tỉnh Đồng Nai bình quân hàng năm đạt 11,7%/năm trong giai đoạn 2011 - 2014. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh chuyển từ dựa vào nông nghiệp là chủ yếu sang phát triển kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực.

Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân đầu người tăng từ 467 USD/người năm 2005 lên 1.514,8 USD/người 2010 bằng 67,3% mức bình quân chung của vùng Đông Nam bộ (2.251 USD/người) và cao hơn gấp 1,3 lần bình quân cả nước (1.168 USD/người). Năm 2012, GRDP bình quân đầu người đạt 43,2 triệu đồng (2.067 USD) và năm 2014 đạt 59,5 triệu đồng (2.800 USD).

Kết quả thống kê về phát triển kinh tế xã hội Đồng Nai trong những năm qua cho thấy tổng giá trị sản phẩm địa phương (GRDP) của tỉnh Đồng Nai tăng trưởng với tốc độ khá nhanh với sự tập trung đầu tư về hạ tầng từ ngân sách nhà nước cũng như sự tăng nhanh của các dự án đầu tư phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và một số lĩnh vực có liên quan khác.

Bảng 1: Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tỉnh Đồng Nai theo giá so sánh năm 2010

Đơn vị tính: Tỷ đồng

S TT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng bq 2011-2014 (%)
	Tổng sản phẩm địa phương GRDP, theo giá so sánh năm 2010	76.025	85.608	95.502	106.074	118.326	11,7
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6.537	6.784	6.979	7.197	7.435	3,3
2	Công nghiệp và xây dựng	43.487	48.865	54.536	60.501	67.580	11,7
3	Dịch vụ	26.000	29.959	33.986	38.377	43.673	13,8
3.1	Thương mại	23.642	27.527	31.566	35.863	41.062	14,8
3.2	Thuế nhập khẩu	2.358	2.431	2.421	2.514	2.611	2,6

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2013 và tính toán của tư vấn.

Cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Nai chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng các ngành trong Tổng giá trị sản phẩm địa phương năm 2005 thay đổi từ ngành nông nghiệp là 22,2%; ngành công nghiệp - xây dựng là 52,2% và ngành dịch vụ là 25,6%; Năm 2010, chuyển sang ngành nông nghiệp

là 8,6%; ngành công nghiệp - xây dựng là 57,2%; ngành dịch vụ là 34,2%. Năm 2014, cơ cấu các ngành trong nền kinh tế trên địa bàn tỉnh là: công nghiệp và xây dựng là 56,9%; ngành dịch vụ là 37,1% và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6,0%.

Bảng 2: Tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP và cơ cấu kinh tế theo giá thực tế tỉnh Đồng Nai

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP, theo giá thực tế	76.025	98.759	117.414	140.092	156.273
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6.537	7.409	7.984	8.826	9.376
2	Công nghiệp và xây dựng	43.488	56.590	66.926	79.712	88.919
3	Dịch vụ	25.999	34.760	42.504	51.554	57.977
3.1	Thương mại và dịch vụ	23.641	31.911	39.604	48.301	54.330
3.2	Thuế nhập khẩu	2.358	2.849	2.900	3.252	3.647
II	Tỷ trọng (%)	100,00	100,00	100,00	100,00	100
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8,60	7,50	6,80	6,30	6,0
2	Công nghiệp và xây dựng	57,20	57,30	57,00	56,90	56,9
3	Dịch vụ	34,20	35,20	36,20	36,80	37,1
3.1	Thương mại và dịch vụ	31,10	32,31	33,73	34,48	34,77
3.2	Thuế nhập khẩu	3,10	2,88	2,47	2,32	2,33

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2014

Tình hình phát triển tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP duy trì đạt tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Các ngành dịch vụ đóng góp phần quan trọng vào tổng sản phẩm trong tỉnh và tạo tiền đề cho các ngành và lĩnh vực khác phát triển; xuất khẩu tăng mạnh; thu ngân sách đạt khá; các nguồn lực đầu tư phát triển được huy động tốt hơn, khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung đầu tư có trọng điểm, đúng hướng, hạ tầng kinh tế và xã hội được cải thiện.

b. Dân số và lao động

- Dân số của tỉnh trung bình năm 2014 là 2.890 nghìn người (đứng thứ 5 trong cả nước, sau thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Nghệ An), trong đó dân số đô thị có 946,61 nghìn người chiếm 34,19%. Mật độ dân cư bình quân là 468,69 người/km², trong đó thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện: Thống Nhất, Trảng Bom dân cư tập trung đông có mật độ đông từ 644,69 - 3.357,62 người/km². Các huyện: Tân Phú, Vĩnh Cửu và Định Quán có mật độ dân cư thưa từ 128,27 - 216,2 người/km². Tháp tuổi dân số của tỉnh Đồng Nai khá trẻ cộng với quá trình phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp trên địa bàn tạo sức hút tăng dân số cơ học, làm dân số của tỉnh tăng nhanh, tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm trong giai đoạn từ năm 2010 - 2014 là 2,4%/năm.

- Lao động: Năm 2014, số dân trong tuổi lao động là 1.763 nghìn người chiếm xấp xỉ 61% tổng dân số; lực lượng lao động là 1.763 nghìn người tăng 329 nghìn người so với năm 2010, tốc độ tăng bình quân 5,2%/năm. Cơ cấu lao động đến 31/12/2014 bao gồm tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp chiếm 30,7%; tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 39,3%; tỷ lệ lao động trong các ngành dịch vụ chiếm 30%. Năm 2014, tỷ lệ lao động qua đào tạo khá cao là 62%, trong đó tỷ lệ đào tạo nghề là 48%.

2. Hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội

a. Hệ thống giáo dục và đào tạo

Ngành Giáo dục và Đào tạo được tập trung đầu tư cơ sở vật chất và nâng chất lượng giáo dục. Toàn tỉnh đã không còn phòng học tạm, tỷ lệ phòng học kiên cố tăng từ 37,3% năm 2005 lên 62% năm 2014. Tỷ lệ xã, phường có trường tiểu học, trường mầm non đạt 100%, có trường trung học cơ sở đạt 95%.

Hệ thống cơ sở giáo dục chuyên nghiệp có 7 trường đại học là: Đại học Đồng Nai, Đại học Lạc Hồng, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Công nghệ Đồng Nai, Đại học Nguyễn Huệ (Sỹ quan Lục quân 2), Đại học Công nghệ miền Đông và Phân hiệu Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; 4 trường cao đẳng và 6 trường trung cấp chuyên nghiệp. Giáo dục chuyên nghiệp ngày càng mở rộng, từng bước đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực trong tỉnh.

b. Hệ thống y tế

Năm 2014, mạng lưới các cơ sở y tế phát triển mạnh, số cơ sở y tế công lập là 240 cơ sở bao gồm 9 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến khu vực, 8 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 9 phòng khám đa khoa khu vực, 10 trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, 11 trung tâm y tế, 11 phòng y tế, 11 trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện và 171 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Bên cạnh đó, tỉnh còn có gần 3.000 phòng khám, cơ sở hành nghề y, dược tư nhân ở các đô thị và vùng nông thôn.

c. Hệ thống công trình văn hóa, thể thao

Năm 2014, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và cơ sở xã, phường, thị trấn đang trong quá trình đầu tư xây dựng hoàn chỉnh. Các thiết chế văn hóa cấp tỉnh gồm: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện, Nhà tập luyện và biểu diễn của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh. Các thiết chế văn hóa, thể thao các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa gồm: 11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện và 11 Thư viện huyện (riêng huyện Trảng Bom có Trung

tâm Văn hóa và Trung tâm Thể thao). Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, phường, thị trấn gồm: Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng đạt tỷ lệ 62,0% (106/171 xã) và Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố đạt tỷ lệ 60,9% (613/1.007 ấp, khu phố).

3. Hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và môi trường

a. Đường bộ

Hệ thống giao thông đường bộ từng bước được đầu tư xây dựng phục vụ đắc lực lưu thông hàng hóa và các hoạt động kinh tế, dân sinh ngày càng tăng. Đến cuối năm 2014, hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh được phát triển có tổng chiều dài khoảng 6.876,5 km, bao gồm:

- Quốc lộ: 5 tuyến quốc lộ đi qua tỉnh Đồng Nai (QL1A, QL1K, QL51, QL56, QL20) có tổng chiều dài 244,5 km, nhựa hóa 100%, đây là các tuyến đường trục bắc - nam và đông - tây kết nối các khu vực trong và ngoài tỉnh.

- Đường tỉnh: 20 tuyến đường với tổng chiều dài 511 km, tỷ lệ nhựa hóa tăng từ 64,4% lên 100% (đạt mục tiêu kế hoạch đề ra), trong năm 2014 còn nâng cấp một số tuyến đường huyện thành đường tỉnh quản lý với tỷ lệ nhựa hóa 90%.

- Đường đô thị, đường huyện: Có gần 300 tuyến với tổng chiều dài 1.491 km, hoàn thành nhựa hóa 60% so với 39,6% năm 2005, còn lại một số đường huyện là đường bê tông, đường cấp phối, rải đá, đường đất.

- Đường xã, phường, thị trấn: Có tổng chiều dài 4.143 km, tỷ lệ nhựa hóa tăng từ 10,6% lên 30%, đường đất còn chiếm khoảng hơn 40%, còn lại là đường bê tông, đường cấp phối, đường rải đá.

- Đường chuyên dùng: Có 487 km do các đơn vị kinh tế trong tỉnh trực tiếp quản lý, chủ yếu là đường nhựa, đường cấp phối.

Hệ thống bến xe hiện đang khai thác là 15 bến xe khách và 12 trạm xe buýt có tổng diện tích 116.798 m², trong đó có 3 bến xe khách liên tỉnh ở thành phố Biên Hòa và 12 bến xe khách ở các thị trấn, thị xã trong tỉnh.

b. Đường sắt

Tuyến đường sắt Thống Nhất trên địa bàn tỉnh do trung ương quản lý, đoạn qua tỉnh có chiều dài 87,5 km gồm có 8 ga trong đó ga Biên Hòa là ga chính trang bị hệ thống thông tin tín hiệu chạy tàu bán tự động. Tuyến đường sắt Thống Nhất là kênh lưu thông vận chuyển hành khách quan trọng giữa tỉnh với khu vực duyên hải miền Trung và miền Bắc.

c. Hạ tầng giao thông đường thủy ra biển và đường thủy nội địa

Toàn tỉnh có 24 tuyến đường sông đang hoạt động, tổng chiều dài 431 km, trong đó có 6 tuyến tổng chiều dài 169 km do trung ương quản lý và 18 tuyến tổng chiều dài 262 km do tỉnh quản lý. Ngoài ra, còn 61 tuyến kênh rạch tổng chiều dài 101 km do đơn vị cơ sở khai thác, quản lý. Các tuyến đường sông quan trọng lưu thông tàu ra biển gồm có 3 tuyến theo các sông: Đồng Nai, Thị Vải, Nhà Bè - Lòng Tàu, trên các tuyến đường sông này đều có các bến cảng tiếp nhận được tàu 5.000 DWT trở lên.

d. Hệ thống cấp điện

Nguồn cấp điện cho tỉnh Đồng Nai từ các nhà máy điện thuộc Hệ thống điện miền Nam thông qua các đường dây 500-220 kV, trong đó gồm các nhà máy điện lớn cấp điện chính cho Đồng Nai là: Nhà máy điện Phú Mỹ công suất 4.166 MW, nhà máy điện Nhơn Trạch công suất 1.200 MW, nhà máy thủy điện Hàm Thuận công suất 300 MW, nhà máy thủy điện Đa Mi công suất 174 MW, nhà máy thủy điện Trị An công suất 400 MW và nhà máy thủy điện Đa Nhim công suất 160 MW. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có nguồn điện của khách hàng như: Formosa công suất 2x150 MW, Vedan công suất 68 MW và Amata công suất 20 MW.

Hệ thống lưới điện gồm các cấp điện áp 500 kV, 220 kV, 110 kV, 35 kV, 22 kV, 15 kV, 10 kV và 6 kV với tổng chiều dài mạng lưới đường dây truyền tải điện hơn 6.000 km trong đó đường dây 220 kV có 302 km, đường dây 110 kV có 434,5 km, đường dây 35 kV có 1.986,7 km. Hệ thống trạm biến áp có 5.362 trạm trong đó có 3 trạm 220 kV, 20 trạm 110 kV, 1.786 trạm trung thế (35/6 kV, 35/0,4 kV, 22/0,4 kV), còn lại là các trạm hạ thế (10/0,4 kV, 6/0,4 kV).

Hệ thống lưới điện đã được kéo phủ khắp toàn tỉnh đến 100% số xã, phường, thị trấn cung cấp điện khá ổn định phục vụ các khu công nghiệp, đô thị và hầu hết các khu vực nông thôn trong tỉnh. Năm 2014, tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt đạt 99,6%, trong đó thành thị đạt 100% và nông thôn đạt 99,4%.

đ. Hệ thống cấp thoát nước

- Cấp nước: Toàn tỉnh có 19 nhà máy nước đang hoạt động ở thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các trung tâm huyện và một số khu công nghiệp, trong đó có 5 nhà máy nước lớn gồm: Nhà máy nước Thiện Tâm công suất 120.000m³/ngày, nhà máy nước Biên Hòa công suất 36.000m³/ngày, nhà máy nước Long Bình 30.000m³/ngày, nhà máy nước ngầm Nhơn Trạch 10.000m³/ngày và nhà máy nước Long Khánh 7.000m³/ngày. Tổng công suất các nhà máy nước đạt khoảng 310.000 m³/ngày, trong đó tổng công suất các nhà

máy nước do Công ty Cấp nước Đồng Nai đang quản lý đạt khoảng 235.000 m³/ngày, cơ bản đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu nước máy phục vụ nhu cầu sinh hoạt của dân cư đô thị, cấp nước các khu công nghiệp và một số điểm dân cư nông thôn. Năm 2014, tỷ lệ dân cư thành thị được cấp nước sạch đạt 98,6% và tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt 94,4%.

- Thoát nước và xử lý nước thải: Giai đoạn 2006 - 2014, toàn tỉnh đã triển khai nhiều dự án đầu tư thoát nước khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư, trong đó đã thi công hoàn thành 6 dự án gồm: Thoát nước lũ ven thị xã Long Khánh, thoát nước khu công nghiệp và thị trấn Tân Phú, thoát nước khu công nghiệp Tam Phước, thoát nước đường 25C huyện Nhơn Trạch, tiêu thoát nước Lò Rèn huyện Nhơn Trạch, thoát lũ suối Trầu. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải từng bước đã giảm được tình trạng ngập úng cục bộ tại thành phố Biên Hòa và các khu vực tập trung dân cư trong tỉnh. Hầu hết các khu công nghiệp đang hoạt động đều có hệ thống thoát và xử lý nước thải tập trung, giúp giảm hẳn ô nhiễm môi trường nước sông, ngòi. Chất lượng nước mặt ở đa số các sông, suối, hồ trong tỉnh như sông Đồng Nai, các hồ: Trị An, Đa Tôn, Suối Tre, Cầu Mới, Núi Le, Gia Ui,... nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường về chất lượng nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Một số sông, hồ trước đây ô nhiễm nặng nay đã phục hồi như sông Thị Vải, hồ Sông Mây.

e. Hệ thống công trình thủy lợi

Năm 2014, trên địa bàn tỉnh đã xây dựng có 123 công trình thủy lợi đang hoạt động với tổng năng lực phục vụ là 23.355 hecta đất canh tác bao gồm đất trồng lúa là 19.756 hecta chiếm tỷ lệ 51%, hoa màu là 819 hecta, cây công nghiệp và cây ăn trái là 2.780 hecta, ngoài ra còn phục vụ nuôi trồng thủy sản là 955,5 hecta và ngăn mặn, tiêu lũ là 9.369 hecta.

Các công trình thủy lợi đầu mối gồm: 10 hồ chứa nước, 24 trạm bơm điện, 15 đập dâng và 2 hệ thống đê ngăn mặn. Tổng năng lực các công trình phục vụ cho 15.300 hecta đất canh tác với diện tích tưới nước hàng năm cho khoảng 25.500 hecta diện tích canh tác 3 vụ đông xuân, hè thu và vụ mùa trong đó vụ đông xuân tưới được 10.800 ha/13.500 hecta, hiệu suất của các công trình thủy lợi đạt khoảng 81,1%.

g. Hiện trạng bảo vệ môi trường

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường có chuyển biến, vệ sinh môi trường ở phần lớn các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, bệnh viện được cải thiện hơn so với trước. Tỉnh Đồng Nai đã thực hiện các dự án xử lý nước thải, rác thải khu công nghiệp, bệnh viện, đô thị, cơ bản giải quyết vấn đề xử lý rác thải ở các bệnh viện. Năm 2014, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 90,2%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 95%.

III. Bối cảnh trong nước và quốc tế

1 Bối cảnh trong nước

Sự ổn định về chính trị - xã hội của đất nước là nền tảng vững chắc tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển; quy mô và tiềm lực kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước đã được mở rộng và tăng cường hơn. Những thành tựu của công cuộc đổi mới và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là cơ sở quan trọng thúc đẩy văn hóa phát triển, nhưng cũng đặt ra nhiều thử thách.

Quá trình đổi mới đất nước tạo ra những tiền đề mới, rất quan trọng cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm cho xã hội nước ta biến đổi sâu sắc và toàn diện, diễn ra quá trình đấu tranh gian khổ và phức tạp giữa cái lạc hậu và tiên bộ, giữa cái tốt và cái xấu, giữa tư duy trì trệ, bảo thủ và đổi mới... Đó chính là mảnh đất tốt cho sự tìm tòi, sáng tạo văn hóa, văn nghệ. Đô thị hóa làm cho kết cấu dân cư có bước thay đổi lớn. Từ sự thay đổi này sẽ dẫn đến những thay đổi về nếp sống, lối sống, tập tục... đòi hỏi phải có những giải pháp cụ thể nhằm giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp vốn có của quê hương và di sản văn hóa, đồng thời phát triển đời sống văn hóa thích ứng với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế thị trường làm cho tính tích cực xã hội được phát huy, các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trở nên năng động, đa dạng và phong phú hơn, nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro, phức tạp. Mặt trái của cơ chế thị trường tác động đến từng gia đình, các quan hệ xã hội, quan hệ cộng đồng đòi hỏi sự đổi mới về công tác quản lý và tổ chức hoạt động văn hoá; tạo hành lang pháp lý để đảm bảo phát triển văn hóa đúng định hướng trong cơ chế thị trường.

Các tôn giáo vẫn ở xu thế điều chỉnh, thích nghi và mở rộng ảnh hưởng, diễn biến của các vấn đề tôn giáo còn nhiều phức tạp. Các tôn giáo có xu hướng vận động thu hút thêm các tín đồ, một số tôn giáo lạ xâm nhập vào nước ta. Đa phần các hoạt động tôn giáo và tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ chức sắc các tôn giáo có những hoạt động đi ngược lại truyền thống văn hóa dân tộc (xoá lễ hội truyền thống, bỏ các sinh hoạt văn hóa cổ truyền...), truyền đạo trái pháp luật, lợi dụng tôn giáo tạo dựng các “điểm nóng”, đấu tranh đòi đất đai, đòi nơi thờ tự... đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ trong công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước ta về tín ngưỡng, tôn giáo; đấu tranh bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc, chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ tôn giáo, gây rối trật tự công cộng, vi phạm pháp luật.

2. Bối cảnh quốc tế

Xu hướng phát triển văn hóa, coi trọng văn hóa và gắn văn hóa với phát triển, coi văn hóa là nhân tố đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Quá trình toàn cầu hóa về kinh tế có nguy cơ dẫn đến xung đột với việc bảo tồn bản sắc và đa dạng văn hóa trên phạm vi toàn thế giới, đồng thời cũng xuất hiện khả năng gắn chặt quá trình kinh tế với quá trình văn hóa. Kinh tế không thể phát triển bền vững nếu không đặt rõ vấn đề văn hóa trong mỗi hoạt động kinh tế.

Các quốc gia ngày càng đề cao tính đặc thù, bản sắc văn hóa dân tộc, coi trọng việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đấu tranh chống khuynh hướng đồng hóa về văn hoá; đồng thời chọn lọc tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại. Bản sắc văn hóa dân tộc là vấn đề trọng đại, sống còn của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, văn hóa là một lĩnh vực dễ bị tổn thương, trong đó bản sắc văn hóa, văn hóa truyền thống dễ bị tổn thương hơn cả. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại sẽ làm phong phú cho văn hóa đất nước, thúc đẩy văn hóa phát triển.

Phát triển văn hóa trong mối quan hệ với xây dựng con người, nguồn lực trung tâm để phát triển văn hóa là con người. Văn hóa trở thành động lực và hệ điều tiết sự phát triển kinh tế - xã hội, lấy phát triển nguồn lực con người làm mục tiêu trung tâm. Vì vậy, phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng con người đang là xu thế của thời đại.

Phát triển nhanh chóng “công nghiệp văn hoá”, ảnh hưởng nhiều đến công nghiệp điện ảnh, nghe nhìn; công nghiệp phát thanh, truyền hình; công nghiệp vui chơi giải trí... Phát triển “công nghiệp văn hoá” đang là xu thế lớn và quan trọng trong chính sách văn hóa của các nước trên thế giới. Sự bùng nổ thông tin cả thông tin đại chúng, viễn thông, mạng internet liên kết từng gia đình và cả xã hội vào một quá trình chung. Sự hội tụ giữa thông tin, viễn thông và tin học là một xu hướng có tác động mạnh đến lĩnh vực văn hóa. Công nghệ thông tin phát triển tạo điều kiện cho mọi người tổ chức sự liên lạc với xã hội; internet, intranet giúp mọi người tiếp cận lượng thông tin đồ sộ của nhân loại và mỗi quốc gia; sự xuất hiện “văn học mạng”, việc trao đổi qua blog... hình thành phương thức mới liên kết xã hội trong môi trường mạng đang đặt ra những vấn đề mới trong công tác quản lý văn hóa, thông tin.

Sử dụng hữu ích thì giờ nhàn rỗi của cá nhân và cộng đồng, việc sử dụng hữu ích thời giờ nhàn rỗi là nhu cầu của xã hội. Xu hướng này đặt ra những yêu

cầu mới trong công tác quy hoạch, kế hoạch và xây dựng các dự án phát triển văn hóa, cũng như các phương thức tiếp cận và hoạt động văn hóa phù hợp với nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của xã hội. Sự phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, thông tin viễn thông và tri thức trao cho mỗi cá nhân những sức mạnh mới, làm cho mỗi cá nhân và cộng đồng thay đổi theo hai xu hướng: Hoặc tác động mạnh vào sự phát triển của cộng đồng, hoặc biệt lập với cộng đồng. Điều này đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới từ nền tảng văn hóa để gắn kết cá nhân và cộng đồng, dung hợp tính đa dạng trong cách tiếp cận văn hóa của từng cá nhân trong cộng đồng.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu, khách quan vừa là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia. Các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông, internet tạo thuận lợi cho giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời cũng diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Mặt khác, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình” nhằm tạo ra những diễn biến phức tạp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống.

IV. Đánh giá chung

- Vị trí nằm ở khu vực cửa ngõ thông ra phía Bắc của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, kết nối miền Đông Nam bộ với duyên hải miền Trung và nam Tây Nguyên, có vị trí, vai trò chiến lược về giao lưu kinh tế, thương mại và quốc phòng, an ninh ở Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây là lợi thế đồng thời cũng là những thách thức cho ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai phát triển, tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế, giao lưu với các tỉnh trong khu vực và cả nước, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới của tỉnh những năm tới.

- Điều kiện khí hậu và thời tiết ở tỉnh Đồng Nai có nhiều thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt, đồng thời thuận lợi phát triển giao lưu văn hóa.

- Địa hình nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, nên nhiều thắng cảnh thiên nhiên, tạo điều kiện nhiều loại hình văn hóa phát triển đa dạng.

- Tài nguyên đất đai và thổ nhưỡng với nhiều vùng có thổ nhưỡng thích hợp cho phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới có giá trị kinh tế cao, nền đất cứng thuận lợi cho xây dựng nhiều loại công trình tạo cho Đồng Nai có lợi thế về đất đai để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và du lịch.

- Tài nguyên rừng, thảm thực vật rừng ở Đồng Nai thuộc hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới gió mùa mưa nhiều với hệ thực động vật đa dạng về chủng loài là tiềm năng rất lớn để tỉnh Đồng Nai có thể xây dựng được bản sắc, sự khác biệt riêng có về mặt văn hóa và du lịch, góp phần xây dựng bản lĩnh và cốt cách của văn hóa và con người Đồng Nai.

- Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai khá cao so với cả nước. Là một tỉnh có cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đang chuyển dịch sang hướng công nghiệp và dịch vụ và tốc độ đô thị hóa khá cao. Sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển đời sống văn hóa tinh thần trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết cấu kinh tế xã hội này đã quy định những điều kiện và đặc điểm phát triển của ngành Văn hóa thời gian tới.

- Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có sự đa dạng về văn hóa tộc người, nhiều tiềm năng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, có tiềm năng phát triển du lịch, có nhiều hoạt động văn hóa xã hội, tạo nền tảng và hỗ trợ cho sự phát triển sự nghiệp văn hóa.

Phần 2

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VĂN HÓA TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2014

I. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước

1. Cấp tỉnh

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa của tỉnh. Tổ chức bộ máy quản lý cấp tỉnh gồm 9 phòng, ban chức năng chuyên môn, như sau: Văn phòng, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Nghiệp vụ Văn hóa, Phòng Nghiệp vụ Thể thao, Phòng Nghiệp vụ Du lịch, Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình, Thanh tra Sở và Văn phòng Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

Các đơn vị sự nghiệp thực hành nghiệp vụ văn hóa cấp tỉnh gồm 9 đơn vị, như sau: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, Đoàn Nghệ thuật Cải lương, Đoàn Ca múa nhạc, Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện.

2. Cấp huyện

Đơn vị quản lý nhà nước về văn hóa là 11 Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa. Các đơn vị sự nghiệp văn hóa trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã và thành phố gồm: 11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện (huyện Trảng Bom là Trung tâm Văn hóa) và 11 Thư viện huyện (huyện Trảng Bom là Thư viện - Nhà truyền thống).

3. Cấp xã

Đơn vị quản lý nhà nước là 171 Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn. Các thiết chế văn hóa, thể thao trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn gồm: Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã là 106/171 đạt tỷ lệ 62,0% và Nhà văn hóa ấp, khu phố là 613/1.007, đạt tỷ lệ 60,87%.

Bảng 3: Kết quả xây dựng thiết chế văn hóa thể thao ở tỉnh Đồng Nai

Thiết chế văn hóa	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thị xã, thành phố	11	11	11	11	11
2. Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn	86	88	96	99	106
3. Nhà văn hóa ấp, khu phố	82 (9 NVH dân tộc)	95 (9 NVH dân tộc)	97 (11 NVH dân tộc)	378 (11 NVH dân tộc)	613 (11 NVH dân tộc)
Tổng cộng	179	194	204	488	730

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Hệ thống thiết chế văn hoá cấp tỉnh, gồm các đơn vị sau: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, Đoàn Nghệ thuật Cải lương, Đoàn Ca múa nhạc, Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện đã có cơ sở vật chất độc lập. Một số thiết chế đã xuống cấp cần được đầu tư nâng cấp như: Chinh lý hệ thống trưng bày Bảo tàng tỉnh; sửa chữa nâng cấp Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh. Một số thiết chế cần đầu tư xây mới: Nhà hát lớn, Trung tâm Văn hóa tỉnh, Nhà thiếu nhi tỉnh, Trung tâm Chiếu phim và Nhà Văn hóa lao động tỉnh.

Hệ thống thiết chế văn hoá cấp huyện gồm: 11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao (huyện Trảng Bom là Trung tâm Văn hóa) và 11 Thư viện có thiết chế độc lập.

Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã gồm: 106 Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã, đạt tỷ lệ 62,0% và 613 Nhà Văn hóa ấp, khu phố, đạt tỷ lệ 60,87%.

5. Đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức

a. Cấp tỉnh

Đến 31/12/2014, tổng số cán bộ, công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 56 người với cơ cấu trình độ học vấn như sau: Tiến sỹ là 1 người chiếm 1,8%; thạc sỹ là 4 người chiếm 7,1%; đại học là 42 người chiếm 75%; cao đẳng là 1 người chiếm 1,8%; trung cấp là 7 người chiếm 12,5% và sơ cấp là 1 người chiếm 1,8%. Trong đó, tổng số cán bộ của Phòng Nghiệp vụ Văn hóa là 6 người với cơ cấu trình độ học vấn như sau: Thạc sỹ là 1 người chiếm 16,7% và đại học là 5 người chiếm 83,3%.

Bảng 4: Số lượng cán bộ, viên chức và công chức tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân theo phòng, ban và trình độ chuyên môn năm 2014

Đơn vị tính: Người

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	56	1	4	42	1	7	1
1	Ban lãnh đạo	3	1	0	2	0	0	0
	Văn phòng	14	0	1	6	0	7	0
2	Phòng Nghiệp vụ Văn hóa	6	0	1	5	0	0	0
3	Phòng Kế hoạch - Tài chính	6	0	0	6	0	0	0
4	Thanh tra	6	0	0	6	0	0	0
5	Văn phòng Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	5	0	0	5	0	0	0
6	Phòng Nghiệp vụ Du lịch	4	0	0	4	0	0	0
7	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình	4	0	1	2	1	0	0
8	Phòng Nghiệp vụ Thể thao	4	0	1	2	0	0	1
9.	Phòng Tổ chức Cán bộ	4	0	0	4	0	0	0

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai

Các đơn vị sự nghiệp thực hành nghiệp vụ văn hóa cấp tỉnh gồm có 311 người với cơ cấu về trình độ học vấn như sau: Thạc sỹ là 1 người chiếm 0,3%; đại học là 141 người chiếm 45,3%; cao đẳng là 8 người chiếm 2,6% và trình độ từ trung cấp trở xuống 161 người chiếm 51,8%.

Bảng 5: Số lượng cán bộ, viên chức tại các đơn vị sự nghiệp thực hành nghiệp vụ văn hóa cấp tỉnh phân theo đơn vị và trình độ chuyên môn năm 2014

Đơn vị tính: Người

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	Tổng cộng	311	0	1	141	8	161
1	Bảo tàng tỉnh	38	0	1	26	1	10
2	Đoàn Ca múa nhạc	32	0	0	6	1	25
3	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	40	0	0	33	1	6
4	Thư viện tỉnh	34	0	0	23	0	11
5	Trung tâm Văn hóa tỉnh	31	0	0	14	0	17
6	Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện	34	0	0	11	2	21
7	Ban quản lý Di tích và Danh thắng	26	0	0	15	2	9
8	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	34	0	0	9	0	25
9	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	42	0	0	4	1	37

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai

b. Cấp huyện

Tổng số nhân lực thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là 379 người, trong đó: Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa là 113 người; các Thư viện là 91 người và các Trung tâm Văn hóa - Thể thao là 175 người.

c. Cấp xã

Tổng số nhân lực thuộc cấp xã, phường, thị trấn là 220 người. Cấp ấp, khu phố, hiện nay chưa có cán bộ văn hóa chuyên trách riêng, do các tổ chức đoàn thể tại ấp, khu phố đảm nhận kiêm nhiệm.

Cơ cấu về trình độ học vấn của nhân lực thuộc các đơn vị cấp huyện, xã như sau: Thạc sỹ là 1 người chiếm 0,2%; đại học là 360 người chiếm 60,1%; cao đẳng là 54 người chiếm 9,0%; trình độ trung cấp là 82 người chiếm 13,7% và khác là 102 người chiếm 17,0%.

Bảng 6: Số lượng cán bộ tại các đơn vị sự nghiệp cấp huyện, xã thực hành nghiệp vụ văn hóa phân theo đơn vị và trình độ học vấn năm 2014

Đơn vị tính: Người

Đơn vị hành chính	Tổng số	Số lượng cán bộ văn hóa cơ sở				Trình độ học vấn				
		Phòng VHTT	Thư viện	Trung tâm VH-TT	Xã, Phường	Thạc Sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại
Tỉnh Đồng Nai	599	113	91	175	220	1	360	54	82	102
1. Thành phố Biên Hòa	55	11	1	13	30	0	47	3	0	5
2. Thị xã Long Khánh	45	11	12	7	15	0	29	8	6	2
3. Huyện Vĩnh Cửu	47	10	11	14	12	0	22	8	10	7
4. Huyện Tân Phú	62	11	7	26	18	0	29	7	15	11
5. Huyện Định Quán	67	14	9	17	27	0	37	6	14	10
6. Huyện Xuân Lộc	54	7	7	13	27	1	36	5	6	6
7. Huyện Trảng Bom	78	10	20	17	31	0	42	2	12	22
8. Huyện Thống Nhất	61	12	9	20	20	0	29	7	7	18
9. Huyện Long Thành	51	9	7	20	15	0	36	2	3	10
10. Huyện Nhơn Trạch	38	10	4	12	12	0	29	4	1	4
11. Huyện Cẩm Mỹ	41	8	4	16	13	0	24	2	8	7

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai

6. Ngân sách phát triển ngành Văn hoá

Về cơ cấu nguồn vốn cho phát triển ngành Văn hóa gồm: Nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa. Hoạt động của ngành Văn hóa chủ yếu dựa vào nguồn chi ngân sách thường xuyên của tỉnh và nguồn vốn ngân sách trung ương. Tình hình ngân sách đầu tư cho lĩnh vực văn hóa của tỉnh có tăng theo thời gian, tuy tăng không nhiều và đồng đều theo các năm. Tổng kinh phí ngành Văn hóa cấp tỉnh tăng từ 36,0 tỷ đồng năm 2010 lên 47,0 tỷ đồng năm 2014. Tổng kinh phí ngành Văn hóa cấp huyện tăng từ 3,5 tỷ đồng năm 2010 lên 4,9 tỷ đồng năm 2014.

Bảng 7: Kinh phí chi cho ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

TT	HẠNG MỤC	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
I	Cấp tỉnh	36,0	33,9	40,8	40,2	47,0
1	Văn phòng Sở	8,0	5,8	6,3	6,2	6,5
2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	4,5	4,2	6,3	6,7	7,6
3	Bảo tàng tỉnh	3,4	3,3	4,0	4,7	6,1
4	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	3,3	3,9	4,7	5,0	5,9
5	Ban Quản lý Di tích và Danh thắng	2,4	2,5	2,9	3,1	4,2

TT	HẠNG MỤC	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
6	Thư viện tỉnh	2,5	3,5	3,8	3,6	4,6
7	Đoàn Ca múa nhạc	2,7	3,5	4,5	4,7	5,3
8	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	9,4	7,1	8,3	6,1	6,8
II	Cấp huyện	3,5	3,8	3,9	4,3	4,9

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai

II. Hiện trạng các lĩnh vực ngành Văn hóa

1. Di sản văn hóa

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử của dân tộc được thực hiện khá tốt. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội, nhiều giá trị văn hóa truyền thống (các di tích, lễ hội dân gian, nghề và làng nghề thủ công truyền thống...) được bảo tồn và phục hồi. Sự phục hồi của các giá trị văn hóa truyền thống không những khẳng định những khía cạnh đặc sắc của văn hóa tỉnh Đồng Nai, mà còn cho thấy những giá trị văn hóa truyền thống được cộng đồng coi trọng. Sự phục hồi của những giá trị văn hóa truyền thống không chỉ làm phong phú đời sống văn hóa xã hội, mà có thể là nhân tố tích cực (những chuẩn mực về đạo đức, thẩm mỹ) trong xây dựng những đời sống văn hóa mới, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh.

a. Di tích vật thể

Tỉnh Đồng Nai hiện có 50 di tích được nhà nước xếp hạng, trong đó có: 01 di tích xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt, 28 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 21 di tích xếp hạng cấp tỉnh và trên 1.500 di tích kiểm kê phổ thông, hơn 400 ngôi nhà cổ, 40 mộ cổ, gần 100 địa điểm danh thắng có giá trị. Một số di tích quốc gia đang trong giai đoạn tiến hành lập dự án và trùng tu tôn tạo như: Mộ Cụ thạch Hàng Gòn (xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh), chùa Bửu Phong (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa), nhà lao Tân Hiệp (phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa), mộ Đoàn Văn Cự (phường Long Bình, thành phố Biên Hòa), thành Biên Hòa (phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa), mộ Trịnh Hoài Đức (phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa)...

Các di tích lịch sử, văn hóa bao gồm rất nhiều loại hình như: Di tích cách mạng, di tích lịch sử, di tích khảo cổ học, di tích kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh... Trong đó, các di tích lịch sử và di tích cách mạng là 27 và 23 di tích thắng cảnh, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ học. Các di tích lịch sử tập trung phần lớn tại thành phố Biên Hòa. Các di tích lịch sử, cách mạng bao gồm các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như: Chùa, đình, đền như: Chùa Cô Hồn, đình Tân Lâm, đền Nguyễn Hữu Cảnh... và các công trình từng là “chứng nhân” lịch

sử về một thời quá khứ hào hùng của miền đất Đồng Nai gian lao mà anh dũng như: Nhà Xanh, nhà lao Tân Hiệp, căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ, địa đạo Nhơn Trạch, căn cứ Rừng Sác... Các di tích được xếp vào nhóm thắng cảnh, kiến trúc, nghệ thuật khảo cổ chứa đựng những giá trị to lớn về nhiều mặt. Nổi bật trong nhóm này là mộ Cụ thạch Hàng Gòn là di tích khảo cổ; khu du lịch Bửu Long là di tích danh thắng; khu đá chông Định Quán là di tích thắng cảnh; đình Tân Lâm là di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật...

Nhiều di tích được chống xuống cấp, tu bổ, tôn tạo. Công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc, đặc biệt là văn hoá của các dân tộc thiểu số, có bước phát triển mới về quy mô cũng như chiều sâu. Tuy nhiên, việc bảo tồn di sản văn hoá chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa quy hoạch bảo tồn di tích với quy hoạch, chưa tạo được cơ sở vật chất, môi trường văn hoá và sinh thái đồng bộ, có chất lượng ở di tích. Việc xử lý hài hoà giữa bảo tồn và phát triển còn lúng túng. Đội ngũ những người làm công tác bảo tồn trong tỉnh còn thiếu về số lượng, tính chuyên nghiệp chưa cao, lúng túng trong việc xử lý những vấn đề phức tạp do thực tiễn đặt ra, làm ảnh hưởng đến chất lượng bảo tồn và tôn tạo di tích, thậm chí làm sai lệch, biến dạng tính nguyên gốc của di tích.

Bảng 8: Phân loại các di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

S T T	Tên đơn vị hành chính	Loại hình		Cấp xếp hạng		Tổng số di tích
		Di tích lịch sử, cách mạng	Di tích thắng cảnh, kiến trúc, nghệ thuật hoặc khảo cổ	Tỉnh	Quốc gia	
1	Thành phố Biên Hòa	11	9	5	15	20
2	Huyện Long Thành	1	3	2	2	4
3	Thị xã Long Khánh	2	2	3	1	4
4	Huyện Nhơn Trạch	3	3	3	3	6
5	Huyện Vĩnh Cửu	4	3	4	3	7
6	Huyện Định Quán	1	1		2	2
7	Huyện Trảng Bom	1		1		1
8	Huyện Thống Nhất	3		3		3
9	Huyện Xuân Lộc		1		1	1
10	Huyện Tân Phú		1		1	1
11	Huyện Cẩm Mỹ	1			1	1
	Tổng cộng	27	23	21	29	50

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai

b. Di sản văn hóa phi vật thể

- Lễ hội: Các lễ hội truyền thống làng xã vẫn còn khá phổ biến ở Đồng Nai. Lễ hội cúng đình, một trong những hình thức của nó là lễ Kỳ yên thường diễn ra tại các đình làng trên địa bàn thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành, nơi có số lượng tập trung đình, chùa rất lớn.

Lễ hội cúng đình và lễ hội cúng Bà là những sinh hoạt văn hóa truyền thống mang tính tín ngưỡng của một bộ phận không nhỏ người dân tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động lễ hội này thu hút sự tham gia của rất nhiều người dân địa phương. Việc chọn lọc những yếu tố mang tính văn hóa truyền thống từ các lễ hội này sẽ tạo ra môi trường tốt cho các hoạt động du lịch văn hóa mang tính cộng đồng cao.

Điểm đặc sắc của các hoạt động lễ hội còn được thể hiện qua các loại hình lễ hội của các dân tộc thiểu số. Trong số đó phải kể đến một số lễ hội hiện vẫn còn tồn tại như: Lễ hội đâm trâu (dân tộc Mạ - xã Tà Lài, huyện Tân Phú), lễ hội chùa Ông của cộng đồng người Hoa ở thành phố Biên Hòa và các vùng phụ cận, lễ hội cầu an (dân tộc Hoa - xã Phú Vinh, huyện Định Quán), lễ hội cúng thần lúa - Sayangva (dân tộc Choro - các huyện Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán và thị xã Long Khánh), lễ hội Ramadan (dân tộc Chăm - xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc). Đây là những nét sinh hoạt văn hóa, là tinh hoa của các dân tộc anh em sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, mang tính đặc thù rất cao, rất thích hợp cho việc tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, đặc sắc vì đối với các tài nguyên văn hóa phi vật thể này, giá trị của nó được thể hiện qua các điệu múa, trường ca, nhạc cụ, món ăn... vốn rất đặc trưng của các dân tộc. Vì vậy, cần thiết phải có sự điều tra, thu thập đầy đủ lễ hội của các dân tộc thiểu số, để qua đó có sự chọn lọc, khôi phục các lễ hội để đưa vào kết hợp phát triển du lịch của tỉnh. Hiện tại, có thể nghiên cứu khai thác lễ hội đâm trâu của người Mạ - huyện Tân Phú, lễ hội cúng thần lúa của người Choro - huyện Vĩnh Cửu đưa vào các tour du lịch sinh thái kết hợp với văn hóa lễ hội.

Đồng Nai là nơi tập trung hai tôn giáo lớn là Phật giáo tại thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành; Thiên Chúa giáo tại thành phố Biên Hòa và các huyện: Trảng Bom, Thống Nhất. Chính vì thế, các lễ hội mang tính tôn giáo như các ngày lễ Giáng Sinh, Phục Sinh, Phật Đản, Vu Lan... đã trở thành những ngày lễ lớn, là dịp vui chơi giải trí của đông đảo tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh, kể cả những người không có tôn giáo. Hàng năm, lượng khách tham gia vào các lễ hội này rất lớn. Đây là cơ hội để tổ chức các loại hình vui chơi, giải trí, ăn uống...

- Các giá trị văn hóa phi vật thể: Do đặc điểm hợp cư của nhiều dân tộc nên văn hóa Đồng Nai rất đa dạng, phong phú, nên có một số giá trị văn hóa đặc trưng như: Các điệu múa, điệu hát, công chiêng của tộc người Choro tại các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu và thị xã Long Khánh; trường ca, điệu hát, điệu múa, công chiêng của tộc người Mạ tại huyện Tân Phú; đờn ca tài tử Nam Bộ tại các huyện: Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa; ca nhạc dân tộc, ca nhạc hiện đại tại thành phố Biên Hòa... trong đó Nghệ

thuật đờn ca tài tử Nam Bộ được công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (theo Quyết định số 5079/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và được UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại ngày 05/12/2013.

Việc phục hồi và phát huy các lễ hội, còn mang tính tự phát, mang tính phong trào, thiếu chọn lọc; chưa khai thác, phát huy được đầy đủ nét độc đáo, bản sắc riêng và giá trị tốt đẹp của văn hoá truyền thống; đồng thời cũng chưa chú ý phát huy tính chủ động của quần chúng, vai trò chủ thể văn hoá của cộng đồng chưa thật sự được coi trọng, ảnh hưởng tới chất lượng việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc.

c. Công tác bảo tồn, tôn tạo di tích

Những năm qua, công tác quản lý di tích đã được các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương cùng quần chúng nhân dân quan tâm. Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ và phát huy các giá trị di tích cũng được các địa phương chú trọng. Nhiều địa phương đã xây dựng quy chế phối hợp, đưa các nội dung về bảo vệ, phát huy giá trị di tích vào quy ước, hương ước để nhân dân cùng thực hiện.

Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường thường xuyên và có nhiều biện pháp xử lý kịp thời, góp phần thực hiện nghiêm Luật Di sản văn hóa. Bên cạnh đó, công tác trùng tu, tôn tạo chống xuống cấp di tích bằng các nguồn đầu tư từ ngân sách của trung ương, tỉnh và nhân dân đóng góp đạt hiệu quả, trở thành những điểm du lịch văn hóa đặc thù, gắn kết vào những tuyến du lịch hấp dẫn có tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển, từng bước mang lại cho cộng đồng những lợi ích cả về vật chất lẫn tinh thần. Công tác lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích trong thời gian qua được triển khai thường xuyên và được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xếp hạng nhiều di tích cấp tỉnh như: Địa điểm diễn ra trận đánh Tiêu đoàn Mãng Xà Vương - Thái Lan ngày 20/12/1967 tại xã Phước Thọ (nay là xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch); đình Tân Huệ, đình Cẩm Vinh, huyện Vĩnh Cửu; đình Dầu Giây, huyện Thống Nhất; Sở Chỉ huy Đặc khu Quân sự Rừng Sác, huyện Nhơn Trạch. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ra quyết định xếp hạng di tích cấp Quốc gia: Thành Biên Hòa.

Công tác trùng tu, tôn tạo di tích cũng đã triển khai thực hiện nhiều dự án như: Thành Biên Hòa; mộ Cự thạch Hàng Gòn; chùa Bửu Phong, nhà lao Tân Hiệp, đình Hưng Lộc, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh... Bảo quản, xử lý môi, mộ, nắm mốc các di tích: Đình Phú Trạch, đình Long Chiến, đình Xuân Lộc - chùa Xuân Hòa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của các Ban Quản lý Di tích và Danh thắng cấp huyện còn một số hạn chế nhất định như: Các thành viên trong ban quản lý các di tích vẫn phải kiêm nhiệm, biên chế cho cán bộ chuyên

trách tại các điểm di tích đến nay vẫn còn thiếu và yếu nên dẫn đến những bất cập trong việc quản lý, tu bổ, tôn tạo. Cơ chế chính sách, cơ cấu các thành viên trong ban quản lý di tích ở một số địa phương chưa phù hợp với chức năng nhiệm vụ, vì vậy vẫn còn xảy ra việc đưa vào di tích các vật thờ tự không phù hợp với loại hình di tích làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn yếu tố gốc của di tích. Nhiều di tích đang bị xuống cấp ở các cấp độ khác nhau, do phần lớn các di tích cấp tỉnh chưa có sự hỗ trợ kinh phí từ phía nhà nước, các địa phương thực hiện theo phương thức xã hội hóa đôi lúc không làm đúng văn bản hướng dẫn hoặc không xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý làm suy giảm tính nguyên gốc của di tích.

2. Nghệ thuật biểu diễn

Các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, văn nghệ quần chúng phát triển phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các khu công nghiệp.

a. Hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp

- Đoàn Ca múa nhạc: Đã dàn dựng nhiều chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị và chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, Tết Nguyên Đán phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của nhân dân trong tỉnh và công nhân các khu công nghiệp... Tổng số buổi biểu diễn từ năm 2010 đến năm 2014 là 730 buổi, phục vụ hơn 650.000 lượt người xem.

- Đoàn Nghệ thuật Cải lương: Đã dàn dựng nhiều chương trình nghệ thuật truyền thống, phục hồi, chỉnh lý, nâng cao nhiều vở diễn cũ. Tổ chức biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2010 đến năm 2014 là 600 buổi, phục vụ hơn 60.000 lượt người xem.

b. Hoạt động nghệ thuật không chuyên

- Trung tâm Văn hóa tỉnh: Đội thông tin lưu động và Nhà văn hóa thuộc Trung tâm Văn hóa tỉnh đã dàn dựng và tổ chức nhiều chương trình thông tin lưu động, văn nghệ quần chúng như: Chương trình mừng Đảng, mừng Xuân; chương trình văn nghệ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh... Trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, đã phục vụ hơn 50.000 lượt người xem và được tuyên truyền.

- Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố: Trong giai đoạn từ 2010 - 2014, đã xây dựng hơn 600 chương trình văn nghệ có chủ đề, biểu diễn phục vụ cơ sở gần 5.000 buổi văn nghệ, tổ chức thành công nhiều hội thi, hội diễn như: Hội thi tiếng hát Tuổi trẻ, hội thi tuyên truyền ca khúc cách mạng, hội

thi tiếng hát công nhân, viên chức, hội diễn Hoa Phượng Đỏ,... Các hội thi, hội diễn đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia; các chương trình văn nghệ quần chúng đã đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của nhân dân, nhất là vùng nông thôn.

3. Điện ảnh, chiếu bóng

Tỉnh Đồng Nai có 10 đơn vị chiếu phim, trong đó có 8 đội chiếu bóng lưu động và 2 rạp chiếu phim. Hoạt động chiếu bóng lưu động đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bên cạnh đó còn phục vụ công tác tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở vùng sâu, vùng xa, công nhân các khu công nghiệp. Trong giai đoạn từ 2010 - 2014, các đội chiếu phim đã tổ chức chiếu phim lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa, công nhân các khu công nghiệp khoảng 10.000 buổi chiếu, thu hút hơn 3.000.000 người đến xem và được tuyên truyền. Phát hành hơn 10.500 đĩa phim thiếu nhi cho các xã, nhà văn hóa, nhà thiếu nhi để tổ chức chiếu phim phục vụ hè; khoảng 28.000 đĩa phim cho các xã vùng sâu, vùng xa.

Tuy nhiên, số lượt khán giả đến với loại hình văn hóa này giảm xuống, do: thứ nhất, hiện nay các phương tiện nghe nhìn trong cộng đồng được tăng lên đáng kể, các kênh cung cấp thông tin phong phú, đa dạng; thứ hai, hầu hết phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật của các đơn vị chiếu bóng được trang bị từ năm 2000 đến nay đã hư hao nhiều nên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả và chất lượng phục vụ công chúng nên lượng khán giả giảm đi; thứ ba 2 rạp chiếu phim nằm ở trung tâm thành phố Biên Hòa, được tiếp quản từ năm 1975, hiện nay nằm trong khu quy hoạch giải tỏa, mở đường của tỉnh nên việc kêu gọi đầu tư theo hướng xã hội hóa gặp nhiều khó khăn.

Nhìn chung, hoạt động điện ảnh còn gặp nhiều khó khăn, trang thiết bị của 8 đội chiếu phim lưu động còn lạc hậu. Phim truyện Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu của người xem, nhất là tại các rạp.

Bảng 9: Hoạt động chiếu phim, chiếu bóng lưu động đến năm 2014

Hoạt động	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
- Số rạp chiếu bóng, đội chiếu bóng	Đơn vị	02 rạp 08 đội	02 rạp 08 đội	02 rạp 08 đội	02 rạp 08 đội	02 rạp 08 đội
- Số buổi chiếu	Buổi	2.125	2.248	2.248	2.248	2.248
- Số lượt người xem chiếu bóng	Người	796.700	673.200	634.150	620.190	600.200

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

4. Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm

Chi hội mỹ thuật và Chi hội nhiếp ảnh trực thuộc Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai đã tổ chức nhiều hoạt động nghệ thuật, góp phần làm phong phú hơn

đời sống văn hóa tinh thần của công chúng trong tỉnh. So với các tỉnh trong khu vực miền Nam, hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm của tỉnh Đồng Nai có bước phát triển hơn, đã tổ chức được nhiều trại sáng tác về đề tài công nhân, nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; đăng cai tổ chức nhiều triển lãm cấp khu vực; nhiều hội viên của tỉnh đạt giải cao tại các liên hoan quốc tế. Một số khó khăn, hạn chế trong hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm là nhu cầu của công chúng về mỹ thuật, nhiếp ảnh còn thấp, chưa hình thành được thị trường cung và cầu về nhiếp ảnh nghệ thuật. Ngoài ra, ngân sách chi cho các hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh còn khiêm tốn. Số ngân sách chi cho các cuộc triển lãm không bao gồm trong phần chi thường xuyên.

5. Thư viện

Thư viện tỉnh và hệ thống các thư viện công cộng của tỉnh hàng năm đều tổ chức Hội báo Xuân, trưng bày giới thiệu khoảng 1.500 tên báo, tạp chí thu hút gần 6.000 lượt người đọc với khoảng 29.000 lượt báo, tạp chí được lưu hành. Tổ chức triển lãm trưng bày, giới thiệu sách các chuyên đề như: An toàn giao thông, mại dâm, ma túy, AIDS... Hàng năm, phối hợp tổ chức Hội thi kể chuyện và ngâm thơ theo sách hè cấp tỉnh, có 11 đơn vị thư viện cấp huyện tham gia, thu hút khoảng 110 em tham gia.

Trong giai đoạn từ 2010 - 2014, Thư viện tỉnh đã bổ sung hơn 20.000 tên sách với số lượng khoảng 50.600 bản sách, nâng tổng số sách của thư viện lên trên 350.700 bản và 450 tên báo, tạp chí các loại. Thư viện các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa số lượng bản sách cũng được đầu tư bổ sung thường xuyên, thời gian qua đã bổ sung hơn 60.000 bản, tổng số sách của các huyện, thị xã, thành phố hơn 300.000 bản. Thư viện tỉnh đã cấp khoảng 75.000 thẻ bạn đọc, phục vụ hơn 15.000.000 lượt đọc giả, lưu hành khoảng 5.000.000 lượt sách, báo. Thư viện các huyện, thị xã và thành phố ngoài phục vụ bạn đọc tại chỗ, còn tổ chức phục vụ lưu động bằng nhiều hình thức phong phú như đưa sách đến các khu nhà trọ cho công nhân, các lô cao su, ngày hội tòng quân....

Nhìn chung, hoạt động của hệ thống thư viện công cộng còn nhiều khó khăn như: Cơ sở vật chất, phòng đọc còn thiếu thốn, nhất là hệ thống phòng đọc ở cơ sở; số lượng cán bộ thư viện chưa đáp ứng được nhu cầu văn hóa đọc, chưa thu hút nhiều đọc giả đến với thư viện.

6. Bảo tàng

Bảo tàng tỉnh Đồng Nai hiện lưu giữ gần 20 ngàn tài liệu, hiện vật gốc có giá trị thuộc các giai đoạn lịch sử khác nhau, trong đó có nhiều hiện vật quý hiếm, nhiều sưu tập hiện vật có giá trị như: Sưu tập khảo cổ học, sưu tập thủy sản, sưu tập văn hóa các dân tộc, sưu tập kỹ vật kháng chiến... Những bộ sưu tập

này không chỉ góp phần phản ánh lịch sử địa phương mà còn là cơ sở cho việc tìm hiểu về lịch sử văn hóa Việt Nam và khu vực. Ngoài ra, trong những năm qua Bảo tàng tỉnh đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa phi vật thể như: Lễ hội cúng đình ở Đồng Nai, tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Đồng Nai, lễ hội Sayangva của tộc người Choro, văn hóa làng dân tộc Choro tại huyện Vĩnh Cửu...

Bảo tàng tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc triển lãm chuyên đề và mở cửa trưng bày phục vụ khoảng 150.000 lượt người xem, trong đó đã phục vụ nhiều đoàn khách quốc tế và sinh viên học sinh đến nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử văn hóa vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Bước đầu có những đổi mới, thu hút ngày một nhiều khách tham quan, du lịch, góp phần giáo dục truyền thống dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội.

Bảng 10: Hiện trạng bảo tàng, nhà truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

S TT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích Trưng bày (m ²)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trung bày	Lưu kho	
1	Bảo tàng tỉnh (số 01 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa)	13.000	3.333	2.000	19.756	Nội dung trưng bày cần được chỉnh lý, nâng cấp
2	Nhà truyền thống thị xã Long Khánh	3.020	61,28	207	0	Bảo quản, hoạt động tốt
3	Nhà truyền thống Tổng Công ty cao su Đồng Nai (xã Suối Tre, thị xã Long Khánh)	600	40	450	50	Bảo quản hoạt động tốt
4	Nhà truyền thống Nông trường cao su Cẩm Mỹ (xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ)	150	80	130	0	Đã xuống cấp, công ty đang lập kế hoạch trùng tu
5	Nhà truyền thống La Ngà (xã La Ngà, huyện Định Quán)	96	70	336		Bảo quản hoạt động tốt
6	Thư viện - Nhà truyền thống huyện Trảng Bom (thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom)		60	180	100	Bảo quản hoạt động tốt
7	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu)	214	140	200	0	Đã cũ, cần được chỉnh lý trưng bày
8	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ (xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu)	250	150	153	169	Đã cũ, cần được chỉnh lý trưng bày
9	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa (xã Bình Sơn,	1.000	100	160	0	Bảo quản, hoạt động tốt

S TT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích Trung bày (m ²)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trung bày	Lưu kho	
	huyện Long Thành)					
11	Nhà trưng bày tại di tích căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa (xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom)	120	18	300	0	Bảo quản, hoạt động tốt
12	Thư viện Nhà truyền thống huyện Tân Phú (thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú)	110	46	150	0	Mới khánh thành trưng bày đưa vào sử dụng
13	Nhà truyền thống Lữ đoàn Pháo binh 75 (phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa)	120	80	250	0	Bảo quản, hoạt động tốt
14	Nhà truyền thống Công an tỉnh Đồng Nai (phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa)	520	520	410	0	Bảo quản, hoạt động tốt
15	Nhà trưng bày di tích Địa đạo Nhơn Trạch (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch)	420	182	364	0	Nền nhà trưng bày đã xuống cấp, thiếu cơ sở vật chất
16	Nhà Văn hóa dân tộc Choro (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu)	4.600	324	153	0	Bảo quản hoạt động tốt
17	Nhà truyền thống thành phố Biên Hòa (<i>Nhà hội Bình Trú</i>) (phường Thanh Bình, Tp. Biên Hòa)	578,70	133,5	141	0	Đã xuống cấp, cần được tu bổ, tôn tạo
18	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc	200	80	35	0	Thiếu cơ sở vật chất và hiện vật trưng bày.
19	Nhà truyền thống Nghĩa trang liệt sĩ huyện Long Thành		110	47	0	Hoạt động tốt
20	Nhà Văn hóa các dân tộc Tà Lài (xã Tà Lài, huyện Tân Phú)	5.000	60	45	0	Đã xuống cấp, thiếu cơ sở vật chất phục vụ hoạt động
22	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc	1.200	100	30	0	Bảo quản, hoạt động tốt
23	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất	200	150	95	0	Bảo quản, hoạt động tốt
24	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Phước Bình, huyện Long Thành	150	80	45	0	Bảo quản, hoạt động tốt
25	Nhà Văn hóa dân tộc Stiêng xã Tân Hiệp, huyện Long Thành	2.200	160	55	0	Bảo quản, hoạt động tốt
26	Nhà Văn hóa dân tộc Chăm xã Bình Sơn, huyện Long Thành	200	150	35	0	Bảo quản, hoạt động tốt
27	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Túc Trưng, huyện Định Quán	300	100	50	0	Đã xuống cấp
28	Phòng truyền thống Trường dân tộc nội trú liên huyện Tân Phú - Định Quán (thị trấn Tân Phú, huyện Tân	24	15	144	0	Bảo quản, hoạt động tốt

S TT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích Trung bày (m ²)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trung bày	Lưu kho	
	Phú)					
29	Nhà truyền thống Trường dân nội trú tỉnh Đồng Nai (xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom)		100	120	0	Bảo quản, hoạt động tốt
30	Nhà truyền thống Trường Trung cấp An ninh nhân dân II		24	250	0	Bảo quản, hoạt động tốt
31	Nhà truyền thống Trường THPT Điều Cải (huyện Định Quán)		40	120	0	Bảo quản, hoạt động tốt
32	Nhà truyền thống Trường THPT Xuân Lộc		35	100	0	Bảo quản, hoạt động tốt
33	Nhà truyền thống Trường THPT Nguyễn Trãi (phường Hồ Nai, Tp. Biên Hòa)		40	150	0	Bảo quản, hoạt động tốt
34	Nhà truyền thống Trường PTTH Tân Phú (huyện Định Quán)	64	64	217	0	Bảo quản, hoạt động tốt

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

7. Quảng cáo, cổ động trực quan và thông tin lưu động

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Quảng cáo và các văn bản hướng dẫn liên quan đến Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các tổ chức và cá nhân tham gia quảng cáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức tốt các chương trình thông tin lưu động kết hợp với cổ động trực quan, các chương trình văn hóa, văn nghệ thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện chính trị trọng đại của dân tộc, của tỉnh tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh, tăng cường quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người Đồng Nai. Không ngừng phát huy hiệu quả xã hội hóa trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

8. Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đi vào chiều sâu và có sức lan tỏa rộng, góp phần tích cực xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kiện toàn, nâng cao chất lượng bộ phận thường trực phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; tiếp tục triển khai các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt của xã, phường, thị trấn về nhận thức với phong trào, công tác vận động quần chúng và nội dung xây dựng phong trào.

Gắn phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư với các phong trào, các cuộc vận động xã hội khác phát huy tinh thần tự nguyện, tích cực tự giác của nhân dân trong xây dựng và tham gia hoạt động phong trào. Năm 2014, tỷ lệ ấp, khu phố đạt danh hiệu ấp, khu phố văn hóa là 94,24% và tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 98,24%.

b. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội

Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần hạn chế và đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực, lạc hậu trong xã hội theo đúng tinh thần Chỉ thị số 27/CT-TW ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 08/1998/CT-UBT ngày 19/02/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Tiệc cưới được tổ chức lành mạnh, tiết kiệm, loại dần những hình thức lễ nghi lạc hậu, (thách cưới, cản trở hay ép buộc hôn nhân tự nguyện, mê tín dị đoan,...). Việc tang đã có chuyển biến tích cực, đa số được tổ chức đúng quy định pháp luật. Một số xã, phường, thị trấn đã xây dựng quy chế lễ tang văn minh.

Việc thực hiện các lễ hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo yêu cầu nội dung theo quy định, bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, chương trình, nội dung cũng được nâng tầm, phần lễ được rút gọn, phần hội có nhiều hoạt động phong phú, nhiều trò chơi dân gian được tổ chức và khôi phục, từng bước xóa bỏ dần các hủ tục, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Như Tết cổ truyền gắn với chủ đề mừng Đảng, mừng Xuân, Tết Thầy mừng 3 tháng Giêng âm lịch, nhiều lễ hội truyền thống cách mạng được duy trì và khoảng 200 lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo, dân gian được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng (Lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ hội Kỳ yên, lễ dâng hương, lễ Phật cầu an, các ngày lễ trọng của Công giáo, Phật giáo, lễ hội Sayangva của người Choro, lễ đâm trâu của người Mạ, Tả Tài phán của người Hoa...).

9. Hệ thống thiết chế văn hóa

Các thiết chế văn hóa từng bước được chú trọng đầu tư và phát triển. Tuy nhiên, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa trọng điểm cấp tỉnh và một số thiết chế văn hóa thể thao cơ sở thực hiện chậm

a. Thiết chế văn hóa cấp tỉnh

Năm 2014, các thiết chế văn hóa cấp tỉnh gồm: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Nhà thiếu nhi tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh, Nhà tập luyện và biểu diễn của Đoàn Nghệ thuật Cải lương. Tuy nhiên, hoạt động của các thiết chế còn khó khăn, nhiều thiết chế đã xuống cấp cần được đầu tư nâng cấp như: Chính lý hệ thống trưng bày Bảo tàng tỉnh; sửa chữa nâng cấp Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh; đầu tư xây mới Trung tâm Văn hóa tỉnh, Nhà hát lớn, Trung tâm chiếu phim và Nhà văn hóa lao động tỉnh.

b. Thiết chế văn hóa thể thao cấp huyện

Năm 2014, tỉnh Đồng Nai đã có 11 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 11 Thư viện cấp huyện và 4 Nhà thiếu nhi cấp huyện gồm: Xuân Lộc, Long Thành, Tân Phú và thị xã Long Khánh. Ngoài ra còn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Thư viện, Nhà truyền thống Suối Tre thuộc Tổng Công ty cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, hoạt động của các Nhà thiếu nhi ở cấp huyện còn hạn chế, nội dung chưa phong phú, thiếu kinh phí nên hiệu quả chưa cao.

Bảng 11: Hiện trạng các Trung tâm Văn hóa - Thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

STT	Tên thiết chế văn hóa	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Năm đầu tư xây dựng	Bộ máy (Người)
I	Cấp tỉnh				
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	5.957	197	1998	33
2	Bảo tàng tỉnh	13.000	3.333	1995	39
3	Thư viện tỉnh	7.102	5.107	2000	34
4	Nhà tập luyện và biểu diễn của Đoàn Nghệ thuật Cải lương	6.142	4.455	2007	42
5	Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện	49.063	4.277	1976	34
6	Nhà thiếu nhi tỉnh	15.479	15.479	1976	122
II	Cấp huyện				
1	Trung tâm VH TT thành phố Biên Hòa	1.170,5	847	1996	14
2	Trung tâm VH TT thị xã Long Khánh	16.080,5	14.324	2002	12
3	Trung tâm VH TT huyện Long Thành	76.320	941	2012	12
4	Trung tâm VH TT huyện Nhơn Trạch	10.000	2.312	2008	12
5	Trung tâm VH TT huyện Định Quán	24.506	1.962	2001	17
6	Trung tâm VH TT huyện Tân Phú	74.000	20.277	2005	24
7	Trung tâm VH huyện Trảng Bom	12.609,3	8.400	1995	17
8	Trung tâm VH TT huyện Thống Nhất	9.000	2.667	2009	21
9	Trung tâm VH TT huyện Xuân Lộc	2.664	2.664	2006	13
10	Trung tâm VH TT huyện Cẩm Mỹ	36.778	700	2009	16
11	Trung tâm VH TT huyện Vĩnh Cửu	8.000	2.500	2002	14
III	Trong doanh nghiệp				
1	Trung tâm VH TT Suối Tre thuộc Tổng Công ty cao su Đồng Nai	767.000	8.026	1985	50

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai.

c. Thiết chế văn hóa thể thao cấp xã

Công tác nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tham quan, học tập và hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần từng bước thu dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Năm 2014, tỉnh Đồng Nai đã có 106 Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã trong tổng số 171 xã đạt tỷ lệ là 62,0%. Số Nhà văn hóa ấp, khu phố là 613 trong tổng số 1.007 ấp, khu phố đạt tỷ lệ là 60,9%. Các hoạt động thiết chế văn hóa thể thao này đã dần phát huy hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Tuy nhiên, hệ thống Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã và Nhà văn hóa ấp, khu phố chậm đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, kinh phí vẫn còn ít và nguồn nhân lực thiếu và yếu.

10. Đào tạo và nghiên cứu khoa học

a. Đào tạo

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý, chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa với đề xuất các chế độ chính sách, nhất là chế độ, chính sách đặc thù cho đội ngũ viên chức trong lĩnh vực văn hóa. Năm 2014, tổ chức nhiều lớp tập huấn triển khai thực hiện Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ và thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trên 120 học viên tham dự. Tổ chức triển khai thực hiện Luật Quảng cáo cho Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các tổ chức, cá nhân tham gia quảng cáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Nghiên cứu khoa học

Đẩy mạnh tiến độ triển khai thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và công tác tu bổ, tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống. Đẩy mạnh hoạt động trang Web và tập san của Sở. Năm 2014, soạn thảo tài liệu và tổ chức thành công Hội thảo Khoa học - Thực tiễn phục vụ tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Triển khai bước đầu Đề tài khoa học cấp tỉnh Giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đồng Nai.

11. Quản lý dịch vụ văn hóa

Các hoạt động xuất bản và phổ biến tác phẩm văn học nghệ thuật phong phú về thể loại, nội dung, đa dạng về hình thức. Tuy nhiên, hoạt động xuất bản còn nhiều bất cập, chưa có nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; một vài sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật chất lượng

kém, phản cảm vẫn được xuất bản, lưu hành, truyền bá; văn hóa phẩm nước ngoài độc hại xâm nhập bằng nhiều đường đã tác động tiêu cực đến đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa và thuần phong mỹ tục của nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

a. Việc thực hiện bản quyền tác giả, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn

Tỉnh Đồng Nai đã triển khai thực hiện các Điều ước Quốc tế liên quan đến quyền tác giả, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn như các hiệp định, các công ước song phương, đa phương giữa Việt Nam và các nước khác. Các điều ước quốc tế này đã tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc, an toàn trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Trong thực tế, tài sản trí tuệ có thể được sao chép và lan truyền vô hạn trong không gian và thời gian mà con người khó có thể kiểm soát hết được. Việc sao chép và phổ biến tài sản trí tuệ thuộc quyền tác giả, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của khoa học và công nghệ. Với các thiết bị sao chép, lưu trữ và công nghệ truyền dẫn, mạng internet phát triển mạnh mẽ như hiện nay, việc xâm phạm bản quyền tác giả ngày càng khó kiểm soát. Hoạt động sao chép lậu, tình trạng đưa sách, phim, nhạc lên mạng internet mà không xin phép người nắm giữ quyền tác giả, ngày càng tinh vi, phức tạp và có quy mô lớn hơn nhiều so với giai đoạn trước đây.

b. Xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh

Tỉnh Đồng Nai đã tổ chức đón nhận 40 bức phác họa của nhóm nghiên cứu Trường đại học New South Wales - Australia và tiếp nhận Cây thập tự Long Tân và tấm bảng đồng do Tổng lãnh sự quán Úc trao trả. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

12. Giao lưu và hợp tác quốc tế

Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại. Tổ chức tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư thương mại, du lịch, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh ra nước ngoài. Quảng bá hình ảnh tiềm năng của địa phương thông qua lễ hội văn hóa đặc sắc của tỉnh và các hoạt động trao đổi đoàn song phương và đa phương. Tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thảo quốc tế, hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư, du lịch, đào tạo, giới thiệu lịch sử văn hóa nhằm giới thiệu, quảng bá về địa phương. Tăng cường hợp tác với các cơ quan thông tấn, báo chí có uy tín, trong nước, khu vực và thế giới; tạo điều kiện để phóng viên nước ngoài đến thăm và làm phim viết bài, đưa tin về tỉnh; hỗ trợ khiếu nại trong các hoạt động quảng bá hình ảnh của tỉnh. Xây dựng bộ tư liệu giới thiệu, quảng bá hình ảnh con người, lịch sử, văn hóa, thương hiệu, tiềm năng, hợp tác và phát triển của tỉnh.

13. Văn hóa các dân tộc thiểu số

Dân tộc thiểu số chiếm khoảng 7% dân số và tổng số các dân tộc thiểu số là 37 dân tộc, sinh sống tập trung ở các huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ và thị xã Long Khánh. Tuy tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số chiếm không cao trong tổng dân số, song cộng đồng các dân tộc thiểu số ở tỉnh Đồng Nai luôn được đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện được đóng góp công sức vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương, khai thác tiềm năng và phát huy vị thế là tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thời gian qua luôn được Đảng và nhà nước, các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm hỗ trợ nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục, phục dựng lại di sản văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số đã bị mai một; các hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cộng đồng ở ấp, khu phố đang ngày càng lan tỏa, góp phần quan trọng trong nâng cao ý thức tự bảo vệ di sản văn hóa trong cộng đồng các dân tộc. Thời gian qua, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách phù hợp với yêu cầu hoạt động văn hóa, nghệ thuật và công tác bảo tồn, phát triển văn hóa, nghệ thuật trong giai đoạn mới.

Trong những năm qua, đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước thay đổi nhận thức để thay đổi hành động của đồng bào trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai luôn được quan tâm, chú trọng. Một trong những giải pháp được tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện có hiệu quả là phát động đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực hưởng ứng nhiều cuộc vận động. Tỉnh đã thông qua các lớp bồi dưỡng mời các báo cáo viên đến nói chuyện chuyên đề cho hơn 2.858 lượt già làng, trưởng bản và đồng bào các dân tộc thiểu số tiêu biểu. Từ khi triển khai sâu rộng cuộc vận động, các già làng, trưởng bản, người tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số đã tích cực tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm cho đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số địa phương ngày càng khá hơn cả về vật chất và tinh thần. Nhờ đó đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai đã giác ngộ nhận thức và chủ động tham gia vào các phong trào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiêu biểu là xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú - một xã đặc biệt khó khăn của tỉnh. Ở xã Nam Cát Tiên, còn có 7 dân tộc thiểu số gồm Kh'mer, Mường, Mạ, Tày, Nùng, Thái và Hoa. Đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây đã được chăm lo hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển kinh tế gia đình. Chính quyền còn hỗ trợ bà con xây dựng nhiều căn nhà tình thương. Đến cuối năm 2014, số hộ nghèo của xã đã giảm mạnh và được ra khỏi danh sách các xã đặc biệt khó khăn...

Phần 3

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH VĂN HÓA TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. Quan điểm, mục tiêu phát triển

1. Quan điểm phát triển

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững của đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội.

- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Xây dựng nền văn hóa Đồng Nai tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Xây dựng nền văn hóa Đồng Nai là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng văn hóa và con người Đồng Nai phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, truyền thống văn hóa, lịch sử trên 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai, truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ Biên Hòa - Đồng Nai, tạo động lực mạnh mẽ đảm bảo phát triển bền vững sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp tích cực vào sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, như sau:

- Một là trên cơ sở chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam nghiên cứu và hoàn thiện những đặc trưng, đặc sắc văn hóa và con người Đồng Nai. Tạo môi trường và điều kiện nhằm phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào truyền thống quê hương Đồng Nai, truyền thống dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người đối với bản thân, gia đình, cộng đồng, quê hương và đất nước.

Hai là tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, vừa phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hóa các dân tộc anh em, vừa kiên trì củng cố và nâng cao tính thống

nhất trong đa dạng của văn hóa tỉnh Đồng Nai, tập trung xây dựng những giá trị văn hóa mới, đi đôi với việc mở rộng và chủ động trong giao lưu hội nhập quốc tế, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

Ba là xây dựng môi trường văn hóa trong hệ thống chính trị, cộng đồng, ấp, khu phố, trường học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình lành mạnh phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng chuẩn mực văn hóa, văn hóa trong kinh tế, chính trị, văn hóa Đảng, văn hóa doanh nghiệp. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy ngày càng hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam ở Đồng Nai.

Bốn là giải phóng mạnh mẽ năng lực và tiềm năng sáng tạo trong mỗi con người, phát huy cao độ tính sáng tạo của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ; đào tạo tài năng văn hóa, nghệ thuật; tạo cơ chế, chính sách và cơ sở vật chất để có nhiều sản phẩm văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao xứng tầm với dân tộc và thời đại; nghiên cứu toàn diện và có hệ thống về lý luận và thực tiễn việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tỉnh Đồng Nai tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Năm là xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh và phát triển toàn diện trên địa bàn tỉnh; gia tăng hàm lượng văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trên các sản phẩm; đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm văn hóa có giá trị bằng phương tiện và công nghệ hiện đại; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa trên thế mạnh của tỉnh, tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa trong khu vực miền Đông Nam bộ, với các tỉnh trên toàn quốc và với các nước trên thế giới nhằm quảng bá về bản sắc văn hóa và con người Đồng Nai nói riêng, văn hóa và con người Việt Nam nói chung.

Sáu là xây dựng và nâng cao hiệu quả của các hoạt động văn hóa, thể thao của giai cấp công nhân tỉnh nhà, góp phần xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; xây dựng đội ngũ công nhân lao động có đời sống văn hóa phong phú, có sức khỏe tốt, có kỹ năng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp, lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Bảy là tạo mọi điều kiện nâng cao mức hưởng thụ và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân; phấn đấu từng bước thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Tám là đảm bảo thực hiện tốt thể chế, chế định pháp luật và thiết chế văn hóa để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Đồng Nai phát triển toàn diện, bền vững.

Chín là tăng cường công tác quản lý nhà nước, ngăn chặn và đẩy lùi hiện tượng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong bộ phận cán bộ, đảng viên, viên chức, công chức, người lao động và sự xuống cấp về đạo đức xã hội. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với vùng đồng bằng, đô thị, giữa các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội trong cộng đồng.

Mười là đi đôi với việc tăng cường đầu tư của nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa, coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững, gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, làm cho văn hóa tham gia tích cực vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

a. Xây dựng con người, lối sống văn hoá

Xây dựng con người toàn diện, có đủ phẩm chất về tư tưởng, đạo đức, lối sống và nhân cách văn hoá; đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế là nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài của sự nghiệp phát triển văn hóa tỉnh Đồng Nai.

Xây dựng con người tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn mới với những đức tính sau: Tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phát huy nội lực cao; ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và tụt hậu; lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tuân thủ pháp luật, tôn trọng quy ước của cộng đồng, chăm lo xây dựng cộng đồng; tinh thần cầu tiến, không ngừng nâng cao tri thức, học tập suốt đời; biết suy nghĩ độc lập và tự chịu trách nhiệm, đồng thời có tinh thần hợp tác, làm việc hiệu quả trong tổ chức, theo nhóm chuyên môn; có tư duy cởi mở với cái mới, không ngại đương đầu với thách thức; năng động, sáng tạo; nỗ lực tiếp cận và vận dụng những kiến thức tiên tiến nhất của khoa học, công nghệ thế giới phục vụ phát triển đất nước; rèn luyện thể lực, nâng cao thể trạng; tu dưỡng, bồi bổ cả kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và đạo làm người.

Xây dựng gia đình đoàn kết, hoà thuận, bình đẳng, hạnh phúc, kỷ cương, nền nếp, đời sống kinh tế ổn định và phát triển; kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình tỉnh Đồng Nai, tiếp thu có chọn lọc các giá trị

tiên tiên của gia đình trong xã hội phát triển để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Phát huy tinh thần tương thân tương ái, tự nguyện, tính tự quản, dân chủ và năng lực làm chủ trong sinh hoạt cộng đồng, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, bảo vệ môi trường sinh thái.

b. Xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hoá

Xây dựng đời sống văn hóa và môi trường xã hội lành mạnh là một nhiệm vụ quan trọng, có quan hệ khăng khít với việc xây dựng con người phát triển toàn diện, xây dựng gia đình văn hoá; phát huy tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội, tạo thành “vốn xã hội” quyết định tiến bộ xã hội. Để xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, trước hết phải xác lập các thể chế dân chủ ở cơ sở, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được tổ chức và tham gia các sinh hoạt văn hóa cộng đồng; hình thành truyền thống xã hội học tập; giáo dục sức khoẻ cộng đồng, lối sống thân thiện và bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường sinh thái; thực hiện nghiêm pháp luật, phòng chống tham nhũng, ngăn chặn và trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội và những hành vi vi phạm pháp luật, gìn giữ kỷ cương và cuộc sống yên bình của nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Gắn kết chặt chẽ những hoạt động xây dựng đời sống văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng khu vực đô thị, nông thôn, khu công nghiệp, từng vùng, từng dân tộc, tôn giáo. Chú trọng tính đặc thù trong xây dựng đời sống văn hóa vùng dân tộc thiểu số và ở vùng tôn giáo khác nhau. Hoạt động văn hóa phải góp phần thiết thực vào việc đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; giáo dục nhân cách văn hoá; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số; nâng cao dân trí, cung cấp cho bà con những kinh nghiệm hay, những cách làm tốt về xây dựng đời sống văn hóa, về xoá đói giảm nghèo, thi đua làm giàu chính đáng, về chuyển đổi cơ cấu kinh tế..., góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình, ấp, khu phố văn hoá; đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động xây dựng cơ quan, công sở, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp... đạt chuẩn văn hóa, nếp sống văn minh. coi trọng, nâng cao văn hóa lãnh đạo và quản lý.

Tập trung thực hiện tốt phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá là nhiệm vụ quan trọng của Quy hoạch; đưa phong trào đi vào chiều sâu, có kết quả thiết thực, trở thành phong trào của toàn xã hội.

c. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt của Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa. Tập trung điều tra toàn diện, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể; các loại hình nghệ thuật cổ truyền đặc sắc, văn hóa dân gian của từng địa phương, từng vùng văn hóa, từng vùng dân tộc; nghề thủ công truyền thống, lễ hội tiêu biểu. Kết hợp hài hòa giữa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững. Điều tra, sưu tầm, xây dựng “ngân hàng dữ liệu” về văn hóa phi vật thể tiêu biểu.

Đầu tư nâng cấp, chỉnh lý hệ thống trưng bày Bảo tàng tỉnh kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giới thiệu trưng bày, quảng bá lịch sử văn hoá Đồng Nai. Tăng cường trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để bảo quản, giữ gìn lâu dài tài liệu, hiện vật tại bảo tàng, nhà truyền thống, cơ quan lưu trữ tư liệu lịch sử, văn hóa, nghệ thuật ở cấp tỉnh và cấp huyện.

Trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia, cấp tỉnh; xây dựng hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận Vườn Quốc gia Cát Tiên là di sản thế giới; xây dựng hồ sơ khoa học trình Thủ tướng Chính phủ công nhận mộ Cự thạch Hàng Gòn, cụm di tích lịch sử Chiến khu Đ tại Đồng Nai là di tích cấp quốc gia đặc biệt.

Thực hiện các hình thức tôn vinh các nghệ sĩ, nghệ nhân tiêu biểu và cơ chế chính sách để các nghệ nhân phổ biến, truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ.

d. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật

Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng. Nhiệm vụ trung tâm của văn học, nghệ thuật thời gian tới là phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người. Vừa coi trọng những đề tài về truyền thống dân tộc, về cách mạng và kháng chiến, vừa bám sát thực tiễn cuộc sống hiện nay để có được những tác phẩm lớn có giá trị cao về thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Thực hiện việc lấy tác phẩm tốt để cổ vũ, giáo dục con người và xã hội, giải trí lành mạnh; lên án, phê phán không khoan nhượng những tiêu cực đang cản trở sự phát triển của đất nước và con người tỉnh Đồng Nai; ngăn ngừa những tác phẩm văn học, nghệ thuật phi đạo lý, lạc hậu, xa rời bản sắc văn hóa dân tộc.

Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, phương thức và sự tìm tòi, thể nghiệm. Thực hiện chính sách hỗ trợ về vật chất, bảo trợ và đặt

hàng các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Bảo hộ có kết quả về tác giả và quyền liên quan.

Bảo tồn, bảo vệ những tinh hoa nghệ thuật truyền thống, văn hóa dân gian và phát huy có hiệu quả trong đời sống xã hội hiện đại.

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới; nâng cao tính khoa học, tính thuyết phục, góp phần hướng dẫn, điều chỉnh sáng tác, phê bình văn nghệ. Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc thành quả lý luận văn học, nghệ thuật của ông cha ta và của thế giới, vận dụng sáng tạo, làm phong phú lý luận văn học, nghệ thuật; làm rõ vấn đề bản sắc dân tộc trong kiến trúc. Xây dựng cơ chế tư vấn, phản biện xã hội và thẩm định giá trị của các tác phẩm văn học, nghệ thuật, kiến trúc giúp cho sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước; coi trọng ý kiến của quần chúng góp ý, phê bình tác phẩm. Đề cao đạo đức phê bình, văn hóa tranh luận và ý thức trách nhiệm của người phê bình trước công chúng và trước lịch sử văn học, nghệ thuật; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động phê bình văn nghệ; phát huy vai trò quan trọng của công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, kiến trúc trong việc đánh giá, định hướng sáng tác, hướng dẫn dư luận xã hội và thị hiếu văn hóa, nghệ thuật cho quần chúng. Xây dựng tổ chức quản lý và chế tài ngăn chặn, xử lý các hoạt động sáng tác, truyền bá những sản phẩm văn học, nghệ thuật có nội dung, tư tưởng nghệ thuật thấp, ảnh hưởng xấu tới xã hội. Chọn lọc và tạo điều kiện công bố những tác phẩm trong và ngoài nước có giá trị tư tưởng và nghệ thuật.

Phát huy, khai thác và giải phóng mạnh mẽ năng lực và tiềm năng sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để tạo ra được nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Thực hiện dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của trí thức, văn nghệ sĩ. Trọng dụng trí thức, văn nghệ sĩ trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả công hiến; thực hiện chính sách đặc biệt với nhân tài của tỉnh. Khuyến khích sự tìm tòi, khẳng định và bảo vệ những giá trị mới làm phong phú và đa dạng đời sống văn hóa, văn nghệ.

Tổ chức thực hiện các chế độ hỗ trợ chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật, như chế độ lương, nhuận bút, đãi ngộ tài năng, bồi dưỡng lao động nghề nghiệp.

Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống dân tộc.

Củng cố, đổi mới hoạt động của Hội Văn học Nghệ thuật và xã hội hóa nhằm nâng cao khả năng tập hợp, phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ của hội.

d. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, tín ngưỡng

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đoàn kết dân tộc.

Phát huy các nhân tố tích cực trong đạo đức, văn hóa tôn giáo; khuyến khích những giá trị lành mạnh, hướng thiện, nhân đạo, có ý nghĩa tiến bộ. Tạo điều kiện cho những hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng phù hợp với văn hóa và lợi ích chung của dân tộc; xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc; đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu.

Xếp hạng di tích và hỗ trợ việc bảo tồn đối với những công trình kiến trúc tôn giáo có giá trị tiêu biểu được xếp hạng.

Xây dựng quy chế phối hợp cụ thể vào quy ước, hướng ước để nhân dân cùng thực hiện, hướng dẫn “Cắm nhang” những bài sám (cúng), lễ tết cổ truyền, đưa ông Táo, đưa ông bà,... để nhân dân nhận thức đúng, không mê tín dị đoan, không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

e. Tăng cường công tác thông tin đại chúng

Hệ thống thông tin đại chúng đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền văn hóa của đất nước. Thông tin đại chúng là phương tiện chuyển tải các giá trị văn hóa đến công chúng, đồng thời, bản thân thông tin cũng là một dạng thức văn hóa đặc thù, có tác động mạnh mẽ, sâu rộng đối với công chúng.

Quản lý vừa chặt chẽ sự phát triển có tính bùng nổ của các phương tiện truyền thông đại chúng như: Truyền hình, phát thanh, báo chí, xuất bản, mạng internet... về nguyên tắc, vừa cởi mở, thông thoáng về hình thức để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn thông tin của nhân dân.

Phát triển và hiện đại hóa mạng lưới thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng các sản phẩm thông tin. Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin truyền miệng, coi đây là một trong những kênh thông tin rất quan trọng và có hiệu quả.

Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động quản lý tốt thông tin, đưa nhiều thông tin và sản phẩm văn hóa có nội dung tốt đến với nhân dân trong và ngoài tỉnh.

g. Hoàn thiện hệ thống thể chế và thiết chế văn hoá

Đề xuất hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp luật và cơ chế, chính sách về văn hóa, nghệ thuật một cách toàn diện, đồng bộ trên mọi lĩnh vực của đời sống văn hóa phù hợp với đường lối của Đảng, nhà nước và pháp luật Việt Nam; đề nghị điều chỉnh, bổ sung những chính sách đã ban hành cho phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước và với những cam kết quốc tế.

Thực hiện đồng bộ, tạo được bước chuyển biến rõ rệt trong công tác cải cách hành chính, chấn chỉnh lề lối và đổi mới phương thức làm việc; hiện đại hóa công sở và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; phân cấp cụ thể trách nhiệm quản lý về văn hóa cho các huyện, thị xã, thành phố.

Đầu tư chiều sâu trang thiết bị, công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng các sản phẩm văn hóa. Chuẩn hóa nghiệp vụ và áp dụng rộng rãi các chuẩn quốc gia và quốc tế nhằm đạt trình độ công nghệ ngày càng cao, chất lượng hoạt động và sản phẩm văn hóa chất lượng cao.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá thể thao từ tỉnh đến cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân hưởng thụ văn hóa. Ưu tiên đầu tư nâng cấp và xây mới các thiết chế văn hoá cấp tỉnh đảm bảo hiện đại để xứng tầm với tỉnh công nghiệp nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

II. Nội dung quy hoạch của ngành Văn hóa

1. Di sản văn hóa

a. Lĩnh vực di tích

Tiếp tục thực hiện Đề án lộ trình xếp hạng di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tập trung xây dựng hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận Vườn Quốc gia Cát Tiên là di sản thế giới; xây dựng hồ sơ khoa học trình Thủ tướng Chính phủ công nhận mộ Cụ thạch Hàng Gòn, cụm di tích lịch sử Chiến khu Đ tại Đồng Nai là di tích cấp quốc gia đặc biệt.

Đầu tư đồng bộ bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu trở thành những di sản có chất lượng cao về khoa học bảo tồn và môi trường văn hóa, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế du lịch.

Triển khai việc quy hoạch chi tiết đối với trùng tu, tôn tạo di tích để giải quyết hợp lý, hài hoà, bền vững giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nhà nước tập trung đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia và tỉnh được tu bổ, tôn tạo năm 2020 đạt 80%, lên 90% năm 2025

và 100% năm 2030. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo tồn di tích; tạo cơ chế huy động các nguồn lực cho việc tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

Ngăn chặn tình trạng lấn chiếm, làm biến dạng môi trường cảnh quan, mất cấp cổ vật; tạo môi trường văn hóa lành mạnh tại các di tích lịch sử văn hoá.

Tiếp tục điều tra bổ sung công nhận thêm một số di tích để tu bổ, cải tạo như: Đền Hùng Vương tại ấp Phú Lâm 2, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú là di tích tín ngưỡng cấp tỉnh; bia tưởng niệm nhà ngục Tà Lài tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia; thác Hòa Bình - chùa Linh Phú tại xã Phú Sơn, huyện Tân Phú là di tích danh lam thắng cảnh cấp tỉnh...

b. Lĩnh vực văn hóa phi vật thể

Tiếp tục triển khai hoàn thiện việc tổng điều tra, sưu tầm toàn diện các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Phấn đấu, số di sản văn hóa phi vật thể đại diện của quốc gia được kiểm kê khoa học đạt 80% năm 2020 lên 90% năm 2025 và 100% năm 2030. Thực hiện việc giáo dục, phổ biến rộng rãi về văn hóa phi vật thể.

Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại - Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Khuyến khích hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng các dân tộc. Tôn vinh và đãi ngộ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công truyền dạy, phổ biến văn hóa phi vật thể.

2. Nghệ thuật biểu diễn

a. Hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp

Phát triển nghệ thuật biểu diễn theo định hướng ưu tiên đầu tư cho việc giữ gìn và phát huy các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống; sưu tầm, phục hồi và phát triển một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ thất truyền. Đầu tư có trọng điểm xây dựng và phát triển một số loại hình nghệ thuật cổ điển thế giới phù hợp với điều kiện tỉnh Đồng Nai; đầu tư dàn dựng có chọn lọc một số tác phẩm kinh điển thế giới có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật để các nhà hát giới thiệu cho công chúng. Chú trọng định hướng trong sáng tác và trong biểu diễn đối với văn nghệ sĩ; giáo dục về thị hiếu cho lớp trẻ, tạo sự đam mê, yêu thích nghệ thuật truyền thống dân tộc là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài.

Nâng cao chất lượng nghệ thuật, phấn đấu tạo được nhiều tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao; đầu tư để có nhiều kịch bản, vở diễn có giá trị cao về nội dung tư

tưởng và nghệ thuật. Xây dựng các chương trình nghệ thuật đi phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Chú trọng và đầu tư thoả đáng cho việc đào tạo tài năng nghệ thuật cả ở trong và ngoài nước. Xây dựng một số công trình biểu diễn nghệ thuật tiêu biểu, cơ sở luyện tập và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho các đoàn nghệ thuật theo Quy hoạch phát triển nghệ thuật biểu diễn, đặc biệt là Trung tâm Văn hóa tỉnh và Nhà hát lớn.

Nâng cấp, chuyển đổi Đoàn Nghệ thuật Cải lương Đồng Nai thành Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Đồng Nai.

Tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ, đãi ngộ đối với diễn viên chuyên nghiệp của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Đồng Nai và Đoàn Ca múa nhạc Đồng Nai nhằm thu hút tài năng trẻ về phục vụ và cống hiến lâu dài với nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Hoạt động nghệ thuật không chuyên

Bên cạnh việc xây dựng các đơn vị nghệ thuật nhà nước đúng theo quy chuẩn về tổ chức, chất lượng nghệ thuật, phương hướng nghệ thuật, đội ngũ diễn viên, khuyến khích và tạo điều kiện thành lập các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập. Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng hoạt động của các đội nghệ thuật quần chúng ở cơ sở.

Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ diễn viên quần chúng ở các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà để làm nòng cốt tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hoá, văn nghệ và tuyên truyền ở các thiết chế văn hoá thể thao cơ sở, nhất là Trung tâm Văn hoá thể thao - Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn.

Tiếp tục thực hiện chế độ quản lý đặc thù đối với Đội thông tin lưu động và Đội văn nghệ quần chúng cấp tỉnh và các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà.

3. Điện ảnh, chiếu bóng

Triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển điện ảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tăng cường quản lý phim trên truyền hình. Xây dựng chế độ hỗ trợ, đãi ngộ các Đội chiếu bóng lưu động đi phục vụ ở khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ chuyên dụng và cơ sở vật chất, đảm bảo đủ điều kiện để khai thác phim theo công nghệ hiện đại, đạt chuẩn kỹ thuật quốc tế về hình ảnh và âm thanh, đặc biệt là dự án xây dựng Trung tâm chiếu phim tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chế độ đặt hàng, đấu thầu sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước. Đến năm 2020, tỷ lệ số hộ được xem truyền hình số bằng các phương thức khác nhau đạt 100% và đạt tỷ lệ 70 thuê bao băng rộng trên 100 dân sử dụng internet.

4. Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm

Đưa mỹ thuật và nhiếp ảnh tỉnh Đồng Nai phát triển ngang tầm quốc gia và từng bước theo kịp khu vực.

Nghiên cứu các trường phái, trào lưu, phương thức thể hiện của mỹ thuật đương đại nhằm khẳng định và phát huy bản sắc dân tộc trong mỹ thuật tỉnh Đồng Nai, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của mỹ thuật đương đại thế giới, làm phong phú cho nền mỹ thuật của nước nhà.

Tổ chức hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật để có được những tác phẩm lớn, chất lượng cao và tổ chức giới thiệu, phổ biến các tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh thông qua các giải thưởng của tỉnh, quốc gia. Tổ chức định kỳ các cuộc triển lãm về hội họa, đồ họa, điêu khắc, mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh. Khuyến khích các tổ chức các hoạt động mỹ thuật mang tính xã hội hóa.

Đẩy mạnh phong trào mỹ thuật cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo về việc dạy nhạc, dạy vẽ trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trong toàn tỉnh. Chú trọng mảng mỹ thuật ứng dụng, đặc biệt trong công nghiệp, thủ công nghiệp, sản phẩm tiêu dùng, nội, ngoại thất, thời trang.

5. Thư viện

Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của thư viện là kết hợp giữa thư viện truyền thống và thư viện điện tử / thư viện số, trong đó việc sử dụng mạng máy tính để lưu giữ, khai thác thông tin và xây dựng thư viện số là xu hướng quan trọng nhất. Phần đầu đến năm 2020 đạt 01 bản sách/mỗi người dân trong thư viện công cộng. Số tài liệu quý hiếm trong thư viện cấp tỉnh được tin học hóa đạt 70% năm 2020 lên 90% năm 2025 và 100% năm 2030.

Đầu tư đúng tầm cho thư viện, chú trọng những thư viện có tính khu vực trong tỉnh như: Thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, huyện Trảng Bom và thị xã Long Khánh. Tiến tới tổ chức một mạng lưới thư viện công cộng rộng khắp, linh hoạt, phù hợp trên địa bàn tỉnh; củng cố và xây dựng thư viện ở các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; đẩy mạnh phát triển thư viện, phòng đọc sách ở các Trung tâm Văn hoá thể thao - Học tập cộng đồng, bưu điện - văn hóa xã ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn. Xây dựng, củng cố và hiện đại hóa thư viện của các trường học, thư viện lực lượng vũ trang, của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thư viện, khuyến khích thư viện tư nhân hoạt động phục vụ cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Đổi mới phương thức hoạt động phục vụ bạn đọc ở các thư viện theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tự động hóa, hiện đại hóa trong các khâu hoạt động của thư viện, tạo sự liên thông giữa các thư viện trong môi trường mạng nhằm khai thác vốn tài liệu phong phú, đa dạng của các thư viện. Lấy nhiệm vụ phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước làm mục tiêu lựa chọn sách, xây dựng vốn tài liệu thư viện để cung cấp kịp thời cho bạn đọc. Xây dựng phong trào đọc sách trong xã hội, góp phần xây dựng thế hệ tương lai.

Thí điểm mô đưa sách đến trường tiểu học, trung học cơ sở để học sinh được mở mang kiến thức và ham đọc sách. Đồng thời, đưa sách đến Trung tâm Văn hoá thể thao - Học tập cộng đồng, bưu điện - văn hóa xã, Nhà văn hóa phục vụ cho người dân, người lao động phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

6. Bảo tàng

Tất cả các hoạt động bảo tàng đều phải dựa trên các bộ sưu tập hiện vật gốc có giá trị tiêu biểu về các mặt lịch sử, văn hóa và khoa học; thường xuyên bổ sung tài liệu, hiện vật mới cho bảo tàng bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả việc mua các hiện vật, tài liệu quý hiếm. Ứng dụng một cách hợp lý và có hiệu quả các thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới trong trưng bày và bảo quản tài liệu, hiện vật bảo tàng; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và thông tin tư liệu bảo tàng; nối mạng các bảo tàng từ tỉnh đến các huyện, thị xã và thành phố. Chú trọng tính khoa học, tính hệ thống trong việc xây dựng “ngân hàng dữ liệu” về tài liệu, hiện vật bảo tàng. Phân đầu, số tài liệu, hiện vật quý hiếm trong bảo tàng tỉnh được tin học hóa đạt 70% năm 2020 và 100% năm 2025.

Đầu tư nâng cấp, chỉnh lý hệ thống trưng bày Bảo tàng tỉnh kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giới thiệu trưng bày. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các nhà truyền thống tại các huyện, thị xã, thành phố. Khuyến khích thành lập bảo tàng, xây dựng các bộ sưu tập tư nhân.

Xây dựng Quy hoạch khảo cổ học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

7. Quảng cáo, cổ động trực quan và thông tin lưu động

a. Quảng cáo

Triển khai thực hiện hiệu quả đề án Quy hoạch tuyên truyền và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Quản lý chặt chẽ nội dung các quảng cáo sản phẩm văn hoá, sản phẩm kinh doanh dịch vụ, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, quảng cáo tầm lớn, quảng cáo bảng điện tử theo quy định của pháp luật, đúng quy hoạch,

đảm bảo cảnh quan đô thị, trật tự an toàn giao thông... Quảng cáo là kênh thông tin trực quan quan trọng, hữu hiệu, phản ánh đầy đủ, kịp thời sinh động mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước tới các tầng lớp nhân dân; phục vụ đắc lực công tác tuyên truyền các sự kiện văn hóa - thương mại - du lịch của tỉnh và các địa phương. Góp phần lập lại trật tự cảnh quan đô thị, khu công nghiệp, các trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh và các địa phương, các tuyến đường giao thông trọng yếu trên địa bàn tỉnh, từng bước thúc đẩy hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, quảng cáo ngoài trời trở thành một ngành kinh tế của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập khu vực, quốc tế.

b. Tuyên truyền cổ động trực quan

Các cơ quan Đảng, nhà nước các cấp, tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền chính trị, kinh tế, xã hội bằng hình thức trực quan như: Pa nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, cờ phướn... Bên ngoài khu vực trụ sở về nội dung, màu sắc, kích thước, vị trí treo đảm bảo cảnh quan đô thị, trật tự an toàn giao thông.

c. Đội thông tin lưu động

Phổ biến đến tận cơ sở, từng người dân các thông tin thiết yếu về thời sự, các chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, các thông tin khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế - xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân, cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân trong tỉnh góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hướng dẫn nghiệp vụ thông tin cho cơ sở, nhằm tạo ra một mạng lưới thông tin cổ động khắp toàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu về thông tin cho nhân dân trên từng địa bàn.

Tổ chức biên chế, Đội thông tin lưu động tỉnh và các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà nằm trong chỉ tiêu biên chế chung của ngành Văn hóa có từ 3 đến 5 người (khi cần thiết có thể sử dụng cộng tác viên). Đội biên tập hoặc dàn dựng chương trình: Các tuyên truyền viên phải có năng khiếu hát, nói, biết sử dụng nhạc cụ, tuyên truyền viên phụ trách chiếu phim video, chụp ảnh, quay camera. Các Đội thông tin lưu động cấp huyện trực thuộc Trung tâm Văn hóa Thể thao cấp huyện.

8. Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

Triển khai rộng khắp phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, gắn với phong trào xây dựng chi bộ, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Lấy mục tiêu xây dựng gia đình, ấp, khu phố văn hoá; xã, phường đạt chuẩn văn hóa, văn minh làm nòng cốt của phong trào. Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; tôn vinh các gia đình văn hóa tiêu biểu; ấp, khu phố văn hóa tiêu biểu.

Phân đầu đến năm 2020: Tỷ lệ ấp, khu phố đạt tiêu chuẩn và giữ vững danh hiệu ấp, khu phố văn hóa đạt trên 95% và tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn danh hiệu gia đình văn hóa đạt trên 98%.

Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú ý đưa các sản phẩm văn học, nghệ thuật, các chương trình biểu diễn nghệ thuật về cơ sở. Đảm bảo cho nhân dân được tham gia sáng tạo các giá trị văn hóa và tự tổ chức các hoạt động văn hóa mang tính cộng đồng.

Xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa ở địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, đồng thời chống mê tín, hủ tục và các tệ nạn xã hội khác.

Xây dựng, hoàn thiện, củng cố hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở. Chú trọng đổi mới nội dung hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động theo nguyên tắc chuyên nghiệp hóa tất cả các bộ phận trong cơ cấu của một thiết chế văn hóa.

9. Hệ thống thiết chế văn hóa

Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống các công trình văn hóa ở cấp tỉnh, huyện, xã. Kết hợp đồng bộ xây dựng thiết chế văn hóa với xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.

Xây dựng một số thiết chế văn hóa chủ chốt của tỉnh, tạo tiền đề cho việc tổ chức các sự kiện cấp quốc gia, nâng cao chất lượng hoạt động của một số loại hình văn hóa nghệ thuật. Bên cạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chú ý đúng mức đến chất lượng hoạt động của hệ thống các thiết chế bằng việc đầu tư về phát triển nguồn nhân lực, đầu tư tổ chức các hoạt động văn hóa, huy động sự sáng tạo của các cộng đồng dân cư.

Kết nối với hệ thống thiết chế văn hóa cổ truyền, gắn các hoạt động văn hóa mới bên trong các hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa này.

Tiếp tục củng cố, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa về cơ sở vật chất và trang thiết bị. Xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cộng đồng.

Cơ bản hoàn chỉnh xây dựng, nâng cấp và nâng cao chất lượng hoạt động các thiết chế văn hóa cấp tỉnh. Đầu tư xây dựng mới các thiết chế văn hóa cấp tỉnh như: Trung tâm Văn hóa, Nhà hát lớn, Trung tâm chiếu phim, Nhà văn hóa lao động. Chú trọng nâng cấp và nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, Thư viện, Bảo tàng, Đoàn Ca múa nhạc, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng, Trường trung

cấp Văn hóa Nghệ thuật. Một số cụm tượng đài và tranh, tượng hoành tráng; cụm cổ động (thông tin tuyên truyền trực quan) và một số công viên, khu giải trí.

Tỷ lệ thiết chế văn hóa các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà được hoàn chỉnh xây dựng và nâng cấp vào năm 2020 đạt 100%.

Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng vào năm 2020 đạt 100%.

Tỷ lệ ấp, khu phố có Nhà văn hóa vào năm 2020 đạt 100%.

Xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Văn hoá thể thao - Học tập cộng đồng xã, phường thị trấn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

10. Đào tạo và Nghiên cứu khoa học

a. Đào tạo

Tiếp tục thực hiện liên kết với Trường Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh và các học viện đào tạo đội ngũ cán bộ, viên chức và công chức ngành Văn hoá đảm bảo công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ chính trị, phục vụ phát triển bền vững sự nghiệp văn hoá.

Đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất chính trị, đạo đức và nâng cao năng lực, chất lượng chuyên môn, tạo nguồn cán bộ, nhân lực có trình độ (cần chú trọng đào tạo lực lượng cán bộ có trình độ kỹ thuật cao trong công tác quản lý và chuyên môn), nhiệt huyết sẵn sàng cống hiến, phục vụ trong ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành và sự hội nhập.

Tiếp tục chuẩn hóa và đào tạo lại, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ, viên chức các cấp nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ chính trị của ngành trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

b. Nghiên cứu khoa học

Nâng cao tính thiết thực của công tác nghiên cứu như là cơ sở khoa học cho việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo xu thế phát triển về văn hoá; gắn các đề tài nghiên cứu phục vụ nhiệm vụ phát triển văn hoá, tổng kết lý luận, thực tiễn, xây dựng mô hình văn hoá... sao cho kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao, gắn nghiên cứu với đào tạo. Xây dựng một hệ thống chương trình nghiên cứu mang tính lý luận, làm rõ quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về xây dựng con người Việt Nam và phát triển nền văn hoá như những định hướng về mặt lý luận. Tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa những quan điểm của Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đồng thời, nhiều vấn đề lý luận về văn hoá mà thực tiễn đang đặt ra cũng cần được nghiên cứu giải đáp.

Coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành để không bị hẫng hụt khi chuyên gia thế hệ. Huy động trí tuệ, kinh nghiệm của đội ngũ các nhà khoa học, các nhà văn hóa tài năng đã nghỉ hưu, hoặc đang làm công tác ở các đơn vị trong và ngoài ngành tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu, sáng tạo, tham gia đào tạo, hướng dẫn cán bộ trẻ.

Từng bước gắn thu nhập chính của cán bộ làm công tác nghiên cứu hưởng theo kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Khuyến khích cán bộ trẻ tham gia công tác nghiên cứu khoa học.

11. Quản lý dịch vụ văn hóa

a. Công tác quản lý kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quy hoạch karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2020. Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí lành mạnh và nâng cao nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đấu tranh phát hiện, ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, tiêu cực trong cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường.

Giữ nguyên hiện trạng các cơ sở hoạt động kinh doanh karaoke lành mạnh đã có với số lượng cơ sở kinh doanh karaoke được cấp phép không vượt quá 3 cơ sở/ấp và 5 cơ sở/khu phố. Ưu tiên quy hoạch một số vị trí phát triển hoạt động karaoke theo hướng tập trung trên một số tuyến đường trọng điểm, tại những ấp, khu phố đông dân cư, nơi tập trung nhiều công nhân lao động tại các khu công nghiệp. Quy hoạch các cơ sở kinh doanh karaoke ở những vị trí ưu tiên được cấp phép không vượt quá số lượng 6 cơ sở/ấp và 10 cơ sở/khu phố.

Số lượng cơ sở kinh doanh vũ trường được cấp phép không vượt quá 2 cơ sở đối với mỗi huyện, trong đó 1 cơ sở tại Trung tâm Văn hóa Thể thao cấp huyện, 1 cơ sở tại khách sạn được công nhận xếp hạng từ 3 sao trở lên; 3 cơ sở đối với thị xã Long Khánh, trong đó: 1 cơ sở tại Trung tâm Văn hóa Thể thao thị xã, 2 cơ sở tại khách sạn được công nhận xếp hạng từ 3 sao trở lên; 5 cơ sở đối với thành phố Biên Hòa, trong đó: 1 cơ sở tại Trung tâm Văn hóa tỉnh, 1 cơ sở tại Trung tâm Văn hóa Thể thao thành phố và 3 cơ sở tại khách sạn được công nhận xếp hạng từ 3 sao trở lên.

b. Việc thực hiện bản quyền tác giả, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn

Nâng cao nhận thức, tri thức và ý thức chấp hành các quy định pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan trong cộng đồng, đặc biệt là đối với các tổ

chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan. Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về quyền tác giả trên các phương tiện xuất bản, báo chí, internet.

Củng cố và tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ tỉnh đến cơ sở. Kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm. Từng bước hình thành hệ thống quản lý tập thể quyền tác giả. Phấn đấu xác lập trật tự theo quy định pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan trên một số lĩnh vực có sự vi phạm nghiêm trọng.

c. Xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm

Nhà nước có chính sách, tạo điều kiện xây dựng ngành xuất bản trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật phát triển toàn diện; đặt hàng đối với xuất bản phẩm về lý luận, chính trị, xuất bản phẩm phục vụ thiếu nhi, đồng bào dân tộc thiểu số, người khiếm thị, xuất bản phẩm cần phổ biến rộng rãi nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội trọng yếu và thông tin đối ngoại. Thực hiện chính sách mua bản thảo, hỗ trợ mua bản quyền, trợ cước vận chuyển xuất bản phẩm.

Hiện đại hóa công nghệ làm sách, gắn kết từ khâu xây dựng kế hoạch đề tài với các kênh phổ biến, lưu thông xuất bản phẩm. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xuất bản. Nâng cao chất lượng xuất bản phẩm cả về nội dung, hình thức, kỹ thuật ấn loát; từng bước xuất bản sách điện tử; xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển và quản lý tốt việc phổ biến xuất bản phẩm trên internet; xây dựng, định hướng phát triển và quản lý văn hóa mạng.

Xây dựng một thị trường sách phong phú, đa dạng, hoàn chỉnh và đồng bộ cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện xã hội hóa công tác phát hành sách bên cạnh việc củng cố các công ty phát hành sách; từng bước hình thành các siêu thị sách ở các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các khu công nghiệp.

12. Giao lưu và hợp tác quốc tế

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay, ngoại giao văn hóa giữ một vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của các quốc gia. Xu thế mở rộng và tăng cường giao lưu, hợp tác về văn hóa của tỉnh Đồng Nai với thế giới là tất yếu. Ngày nay, việc giao lưu, hợp tác văn hóa không chỉ thuần túy vì mục đích phát triển văn hóa, mà thông qua đó, mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác. Cần chủ động đón nhận các cơ hội phát triển cũng như bản lĩnh vượt qua các thử thách để giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, góp phần làm đa dạng, phong phú thêm nền văn hóa thế giới, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu thêm nền văn hóa Đồng Nai, tiến kịp với thời đại. Chú trọng ngăn chặn, loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa đối với văn hóa Đồng Nai. Đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đã được thiết lập đi vào chiều sâu, chủ động, ổn định.

Xây dựng cơ chế phối hợp để triển khai hoạt động ngoại giao văn hóa. Trao đổi, giới thiệu và phổ biến sâu rộng những tác phẩm văn học, nghệ thuật mang đậm bản sắc, tâm hồn, cốt cách của người Đồng Nai với các nước. Phối hợp chặt chẽ giữa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật với quảng bá du lịch và xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư.

Hợp tác với các nước để đào tạo tài năng văn hóa, nghệ thuật; đào tạo cán bộ chuyên môn trình độ cao. Phát huy tài năng, tâm huyết của lực lượng trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật của tỉnh Đồng Nai. Quan tâm, tạo điều kiện để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được tiếp nhận thông tin và sản phẩm văn hóa lành mạnh từ tỉnh Đồng Nai; đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa Việt Nam trong gia đình, trong sinh hoạt cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

13. Văn hóa các dân tộc thiểu số

Coi trọng và tổ chức thực hiện các chương trình về bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hóa, văn học, nghệ thuật, đặc biệt là hỗ trợ sự phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc thiểu số. Có giải pháp cụ thể xây dựng đội ngũ trí thức trong các dân tộc thiểu số; phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật dân tộc thiểu số. Ưu tiên tài trợ cho các tác giả là người dân tộc thiểu số có tài năng, sáng tạo các tác phẩm về đề tài dân tộc và miền núi.

Đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số. Thông qua hoạt động du lịch văn hóa được tổ chức, quản lý tốt, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tạo công ăn việc làm, giảm nghèo cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển văn hoá, thể thao và du lịch đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện Nhà văn hoá các dân tộc, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc bản địa.

Phần 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. Tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và tổng hợp dự án đầu tư

1. Tổ chức bộ máy

a. Cấp tỉnh

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có 9 phòng, ban chức năng chuyên môn, gồm: Ban giám đốc, Văn phòng; Phòng Tổ chức Cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Nghiệp vụ Văn hóa; Phòng Nghiệp vụ Thể thao; Phòng Nghiệp vụ Du lịch; Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình; Thanh tra Sở và Văn phòng Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

Các đơn vị sự nghiệp thực hành nghiệp vụ văn hóa cấp tỉnh có 9 đơn vị, gồm: Trung tâm Văn hoá tỉnh; Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng; Thư viện tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Ban Quản lý Di tích và Danh thắng; Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nâng cấp từ Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật), Nhà hát Nghệ thuật truyền thống (nâng cấp từ Đoàn Nghệ thuật Cải lương), Đoàn Ca múa nhạc và Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện.

Đầu tư quy hoạch, xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh như sau:

- Tập trung đầu tư xây dựng mới các thiết chế văn hóa gồm: Nhà hát lớn, Trung tâm Văn hóa tỉnh, Nhà thiếu nhi tỉnh, Trung tâm chiếu phim và Nhà văn hóa lao động tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa toàn bộ các thiết chế văn hóa cấp tỉnh đã xuống cấp, trong đó chú trọng dự án chỉnh lý hệ thống trưng bày Bảo tàng tỉnh kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và phục vụ trưng bày.

b. Cấp huyện

Đơn vị quản lý nhà nước là 11 Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thị xã, thành phố. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa các đơn vị sự nghiệp văn hóa trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố gồm: Trung tâm Văn hóa - Thể thao (hoặc Trung tâm Văn hoá) huyện là 11 đơn vị và Thư viện huyện là 11 đơn vị.

c. Cấp xã

Đơn vị quản lý nhà nước là 171 Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các thiết chế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn gồm:

- Đầu tư xây mới là 65 Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã. Đảm bảo đến năm 2020, toàn tỉnh đạt 100% thiết chế văn hóa thể thao cấp xã.

- Đầu tư nâng cấp và xây mới là 394 Nhà văn hóa ấp, khu phố. Đảm bảo đến năm 2020, toàn tỉnh đạt 100% ấp, khu phố có thiết chế văn hóa thể thao.

2. Nguồn nhân lực

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, cán bộ ngành Văn hóa; xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng nhu cầu nguồn cán bộ phục vụ phát triển ngành Văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các định hướng sau:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý ngành Văn hóa từ tỉnh đến huyện, khắc phục tình trạng sau khi sáp nhập thì đội ngũ một số lĩnh vực chưa được chú trọng, trình độ cán bộ quản lý chưa cao vì vậy để thực hiện được các chỉ tiêu nêu trong Quy hoạch cần chú trọng xây dựng đội ngũ quản lý nhà nước về văn hóa các cấp, đồng thời tiếp tục cải cách hành chính đối với quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư và cấp phép các ngành nghề dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, để tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển chung của ngành.

Đầu tư cơ sở vật chất, tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng đào tạo cho Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Mở rộng công tác liên kết các trường đại học, các học viện, nhằm đa dạng hóa các hình thức đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực văn hóa. Đào tạo chuyên môn cho cán bộ văn hóa các cấp, đặc biệt đào tạo cán bộ văn hóa cấp xã, phường, thị trấn.

Ưu tiên phát triển đội ngũ cán bộ ngành Văn hóa là người dân tộc thiểu số trong công tác đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ; phát hiện và sử dụng những nghệ nhân, nghệ sĩ người dân tộc thiểu số.

Đến năm 2020, cấp tỉnh có 100% cán bộ có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên; cấp huyện có 80% cán bộ có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên; cấp xã 60% cán bộ có trình độ trung cấp chuyên ngành trở lên. Đến năm 2025, cấp huyện có 100% cán bộ có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên; cấp xã 80% cán bộ có trình độ trung cấp chuyên ngành trở lên. Đến năm 2030, cấp xã 100% cán bộ có trình độ trung cấp chuyên ngành trở lên.

3. Tổng hợp dự án đầu tư

Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tổng hợp được 28 danh mục dự án và nhóm dự án với tổng vốn đầu tư là 8.151 tỷ đồng.

Bảng 12: Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư ngành Văn hóa đến năm 2030

Đơn vị tính: Tỷ đồng

S TT	Tên dự án, nhóm dự án đầu tư	Quy mô	Tổng cộng	Giai đoạn 2015-2020	Giai đoạn 2021-2030
	TỔNG CỘNG		8.151	3.230	4.921
A	Di sản văn hóa		950	310	640
1	Trùng tu các di tích cấp quốc gia	28 di tích	600	200	400
2	Trùng tu các di tích cấp tỉnh	22 di tích	300	100	200
3	Các tượng đài	28 tượng đài	50	10	40
B	Nghệ thuật biểu diễn		190	160	30
4	Nhà hát lớn	1 đơn vị	170	150	20
5	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống	1 đơn vị	20	10	10
C	Điện ảnh, chiếu bóng		120	100	20
6	Trung tâm chiếu phim	1 đơn vị	120	100	20
D	Thư viện		250	120	130
7	Thư viện tỉnh	1 đơn vị	30	10	20
8	Các thư viện cấp huyện	11 đơn vị	220	110	110
Đ	Bảo tàng		545	215	330
9	Bảo tàng tỉnh	1 đơn vị	40	20	20
10	Nhà truyền thống Nông trường cao su Cẩm Mỹ	1 đơn vị	20	10	10
11	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam	1 đơn vị	20	10	10
12	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ	1 đơn vị	20	10	10
13	Nhà trưng bày di tích Địa đạo Nhơn Trạch	1 đơn vị	20	10	10
14	Nhà truyền thống thành phố Biên Hòa	1 đơn vị	20	10	10
15	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc	1 đơn vị	20	10	10
16	Nhà Văn hóa các dân tộc xã Tà Lài, huyện Tân Phú	1 đơn vị	20	10	10
17	Nhà Văn hóa dân tộc Choro xã Túc Trưng, huyện Định Quán	1 đơn vị	20	10	10
18	Nhà Văn hóa dân tộc, trưng bày di tích, truyền thống khác	23 đơn vị	345	115	230
E	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở		340	370	130
19	Làng Văn hóa xã Phước An, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	92,4 ha	40	20	20
20	Các công trình văn hóa khác	10 đơn vị	330	110	220

S TT	Tên dự án, nhóm dự án đầu tư	Quy mô	Tổng cộng	Giai đoạn 2015-2020	Giai đoạn 2021-2030
G	Hệ thống thiết chế văn hóa		5.656	2.165	3.491
20	Trung tâm Văn hóa tỉnh	1 trung tâm	120	100	20
21	Nhà thiếu nhi tỉnh	1 nhà văn hóa	70	50	20
22	Nhà Văn hóa lao động tỉnh	1 nhà văn hóa	70	50	20
23	Các Trung tâm Văn hóa Thể thao cấp huyện	11 trung tâm	220	110	110
24	Các Nhà Văn hóa thiếu nhi cấp huyện	11 nhà văn hóa	460	240	220
25	Các Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã	171 trung tâm	1.404	720	684
26	Các Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố	1.007 nhà văn hóa	3.312	895	2.417
H	Đào tạo		70	30	40
27	Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1 đơn vị	40	20	20
28	Đề án đào tạo cán bộ	Đề án	30	10	20

4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất

Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với nhu cầu sử dụng đất như sau:

- Trung tâm Văn hóa tỉnh với diện tích đất tối thiểu là 5.000 m²
- Nhà Văn hóa lao động tỉnh với diện tích đất tối thiểu là 5.000 m²
- Cấp đất cho 65 Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng xã với diện tích đất tối thiểu là 500 m²/trung tâm.
- Cấp đất cho 394 Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố với diện tích đất tối thiểu là 300 m²/nhà.

II. Một số giải pháp chủ yếu

1. Giải pháp về quản lý nhà nước

Đề xuất hoàn thiện cơ bản việc thể chế hóa các quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về văn hóa, văn học, nghệ thuật trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Quan điểm về quản lý là thực hiện hai chức năng “xây” và “chống”, trong đó “xây” là cơ bản. Mục tiêu quan trọng của quản lý văn hóa là tạo điều kiện để bảo tồn, phát huy và phát triển nguồn lực văn hóa. Quản lý nhà nước về văn hóa phải thông qua việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch; xây dựng pháp luật và cơ chế, chính sách.

Triển khai thực hiện các biện pháp đồng bộ, chủ động đấu tranh phòng chống văn hóa độc hại, sự áp đặt về văn hóa của các cường quốc, chống “diễn

biến hoà bình” trên lĩnh vực văn hóa đối với nước ta. Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong việc quản lý thị trường văn hóa phẩm; quản lý việc sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet (website, blog, portal). Chủ động đấu tranh với những biểu hiện lai căng, phi văn hóa, góp phần bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và tính đa dạng trong thống nhất của văn hóa tỉnh Đồng Nai.

Tăng cường hiệu lực của công tác thanh, kiểm tra nhà nước về văn hóa.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a. Đổi mới tổ chức, nội dung và cơ chế quản lý

Nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng, chính quyền các cấp đối với lĩnh vực văn hóa. Xác định công tác văn hóa là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cấp uỷ, chính quyền. Chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về văn hóa. Các cơ quan nhà nước có kế hoạch, biện pháp đẩy mạnh việc xây dựng văn hóa trong cơ quan nhà nước để làm gương cho xã hội, nhân dân thực hiện nhiệm vụ này.

Sự phát triển như vũ bão của thông tin đại chúng (truyền hình, internet, bưu chính viễn thông...), sự xuất hiện và phát triển của các hình thức thể hiện mới về văn hóa, nghệ thuật (“game online”, “blog”, “văn học mạng”...), sự phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa, sự mở rộng và đa phương trong giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa, nghệ thuật... đặt ra sự cần thiết phải đổi mới về tổ chức, nội dung và cơ chế quản lý văn hóa.

Trước hết là đổi mới, nâng cao năng lực hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra hoạt động văn hóa mang tính chuyên nghiệp của cán bộ quản lý và nghiệp vụ văn hoá; phân cấp rõ ràng và cụ thể trách nhiệm và thẩm quyền của các cấp; thực hiện có bước tiến rõ rệt về cải cách hành chính trên lĩnh vực văn hóa. Thực hiện cơ chế phản biện xã hội đối với hoạt động văn hóa.

Đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng dịch vụ công nhằm đề cao trách nhiệm, hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy mọi nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng và hiệu quả cung ứng dịch vụ công về văn hóa, đảm bảo công bằng xã hội và đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Rà soát, sắp xếp lại các tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành theo hướng hoạt động của đơn vị dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với đặc điểm, tính chất của mỗi loại dịch vụ công, mỗi loại đối tượng hưởng thụ, mỗi khu vực; xây dựng cơ chế hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận cho từng loại hình cung ứng dịch vụ công; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực

hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Sắp xếp lại các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp trong tỉnh, nòng cốt là nghệ thuật truyền thống, các đoàn nghệ thuật khác thành lập dưới hình thức ngoài công lập. Tập trung xây dựng một số đơn vị nghệ thuật truyền thống và hiện đại tiêu biểu của tỉnh.

Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học giữa các trường văn hóa, nghệ thuật và các viện nghiên cứu; thực hiện việc đào tạo theo chỉ tiêu và đào tạo theo nhu cầu xã hội.

b. Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển văn hoá

Các chính sách về văn hóa cần được nghiên cứu xây dựng theo hướng:

- Chính sách đối với đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp văn hóa, nghệ thuật trong hoạt động kinh tế. Các đơn vị sự nghiệp văn hóa chuyển sang cơ chế thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật. Ngoài nhiệm vụ nhà nước giao, đơn vị được quyền tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp với khả năng của đơn vị và đúng với quy định của pháp luật.

- Khuyến khích đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi sang hoạt động theo loại hình ngoài công lập, hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí; được nhà nước và xã hội đối xử bình đẳng đối với các sản phẩm và dịch vụ như cơ sở công lập.

- Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh doanh nghiệp ngành Văn hóa theo hướng chuyển đổi một số doanh nghiệp sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các doanh nghiệp còn lại tiến hành cổ phần hóa với bước đi thích hợp.

- Tập trung xây dựng cơ chế và môi trường kinh doanh để phát triển ngành “công nghiệp văn hoá”.

- Thực hiện chế độ đặt hàng có định hướng cho khâu sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật, kịch bản phim điện ảnh và sản xuất phim, xuất bản, trợ giá cước phí vận chuyển sách, báo ra nước ngoài.

c. Chính sách gắn phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hoá

Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế trong kế hoạch 5 năm, hàng năm của các cấp, các ngành và địa phương phải gắn với các mục tiêu, giải pháp về văn hóa.

Việc quy hoạch xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp, các đô thị mới... phải dành quỹ đất phù hợp và thuận lợi để xây dựng các công trình văn hóa (nhà văn hóa, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, rạp chiếu bóng, thư viện hoặc phòng đọc sách báo, công trình mỹ thuật, điêu khắc...).

Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia sáng tạo, sản xuất, phổ biến và kinh doanh trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Ban hành các quy định miễn, giảm thuế cho các khoản đầu tư, đóng góp của các doanh nghiệp vào việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, xây dựng các công trình văn hoá; bảo trợ các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về nội dung tư tưởng và nghệ thuật, các hoạt động văn hóa ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và các khoản đóng góp vào các hoạt động phát triển sự nghiệp văn hóa.

d. Chính sách xã hội hóa hoạt động văn hoá

Chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa được coi là một trong những giải pháp quan trọng nhằm thu hút toàn xã hội, các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động sáng tạo, cung cấp và phổ biến sản phẩm văn hóa, xây dựng cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội phát triển sự nghiệp văn hóa, tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Do tính đặc thù, nhạy cảm về chính trị, tư tưởng, nên trong công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa cần có bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng địa phương.

Phân loại rõ chức năng các loại dịch vụ văn hóa, trong đó có các loại dịch vụ công, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và nhà nước và các loại dịch vụ khác để có hướng đầu tư và khuyến khích chuyển đổi phù hợp. Trên cơ sở đó, xác định cụ thể lĩnh vực cần duy trì hình thức công lập, lĩnh vực cần đẩy mạnh chuyển đổi sang đơn vị ngoài công lập; xác định phạm vi và mức độ nhà nước cần hỗ trợ đối với từng lĩnh vực hoạt động văn hóa.

Nhà nước có cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập các đoàn nghệ thuật, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật... ngoài công lập; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa và tổ chức kinh doanh dưới sự quản lý của nhà nước trên các lĩnh vực: Xây dựng nâng cấp rạp chiếu bóng, bảo tàng, thư viện, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, đại lý băng hình, phát hành phim, sách báo, triển lãm mỹ thuật, dạy học múa, nhạc, họa; liên doanh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước một số khâu về in.

Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đóng góp kinh phí cho tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin và giữ gìn di sản văn hóa dân tộc, nhà nước áp dụng các hình thức ghi công thích hợp.

đ. Chính sách khuyến khích sáng tạo

Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức, văn nghệ sĩ. Ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động văn hóa và văn nghệ; bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để trí thức, văn nghệ sĩ phát triển, cống hiến và được xã hội tôn vinh.

Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích sáng tạo. Hàng năm nhà nước dành một khoản kinh phí thường xuyên cho việc hỗ trợ hoạt động sáng tạo và phổ biến tác phẩm văn học, nghệ thuật, kiến trúc, báo chí, suu tầm, phổ biến kho tàng văn hóa dân gian theo cơ chế nhà nước tài trợ, đặt hàng. Khuyến khích các doanh nghiệp đóng góp tài chính để đầu tư cho xây dựng tác phẩm nghệ thuật.

Tổ chức phát động các cuộc thi sáng tác văn học, nghệ thuật để có được nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật phục vụ nhu cầu của xã hội.

Đa dạng hóa các nguồn lực tài chính như: Nhà nước, tài trợ, hiến tặng... trong việc thành lập và gây quỹ của các quỹ văn hóa để hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo.

Thực hiện bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, chế độ nhuận bút, chế độ bản quyền gắn với doanh thu của tác phẩm. Tiếp tục thực hiện các hình thức khen thưởng, các giải thưởng đối với các tác phẩm, công trình văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu; cơ chế khuyến khích sáng tạo.

3. Nâng cao nhận thức tư tưởng, xây dựng con người

a. Học tập, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa được thể hiện trên các mặt chủ yếu sau đây: Văn hóa thuộc kiến trúc thượng tầng, có quan hệ chặt chẽ với kinh tế và chính trị. Văn hóa “không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”. Văn hóa vừa có tính nhân loại, vừa có tính dân tộc sâu sắc, “văn hóa Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại”. Để văn hóa tỉnh Đồng Nai phát triển phải biết phát huy tinh hoa văn hóa của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”; văn hóa là sự nghiệp của quần chúng, phải đi vào đời sống xã hội, thể hiện cốt cách của dân tộc; bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc, văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại; khắc phục những tàn dư lạc hậu, lỗi thời, bổ sung các giá trị mới. Con người vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, vừa là sản phẩm văn hóa, vì thế việc phát triển văn hóa phải gắn với vấn đề xây dựng con người, phải chăm lo đến sự nghiệp “trồng người”.

Quán triệt nhận thức về vai trò của việc giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của việc xây dựng và phát triển văn

hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng thông qua “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tạo nên bước chuyển biến thực sự trong hành động. Mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị, khu dân cư cần xây dựng quy chế, quy ước, đặt ra các chỉ tiêu cụ thể, thiết thực, khả thi thực hiện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu biên soạn tài liệu, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá; giáo dục, cung cấp các kiến thức và kỹ năng ứng xử văn hóa trong gia đình, trong công sở, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, nơi công cộng, chốn tôn nghiêm... Huy động các phương tiện thông tin đại chúng, các đội thông tin lưu động, các hình thức tuyên truyền, giáo dục sinh động, đa dạng, thích hợp với từng đối tượng để thực hiện cuộc vận động này đạt hiệu quả thiết thực.

b. Xây dựng con người

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định con người là nguồn nội lực để phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển văn hóa chính là phát huy nguồn lực con người - nguồn lực lớn nhất và quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ xây dựng con người tỉnh Đồng Nai đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thông qua chức năng xây dựng con người, bồi dưỡng lòng yêu nước, năng lực, trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, ý thức trách nhiệm xây dựng xã hội; kết hợp hài hoà tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội, phát huy tính năng động, sáng tạo của mọi người dân. Giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, nhân cách văn hóa cho mọi người trên cơ sở các quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; gắn chặt mục tiêu xây dựng con người với hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng của quần chúng.

Căn cứ vào 5 đức tính của con người Việt Nam cần xây dựng được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) và những yêu cầu mới đối với việc xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế nêu trong Quy hoạch, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, khu dân cư... xây dựng thành các tiêu chí cụ thể, sát hợp với từng đối tượng, với từng lĩnh vực và địa bàn hoạt động.

4. Tăng cường nguồn lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho phát triển văn hoá

a. Đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật

Xây dựng tiêu chuẩn và cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn hóa, văn nghệ có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đảm đương công việc.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật vững vàng về tư tưởng chính trị, tinh thông về nghề nghiệp; xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đạt chất lượng cao, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội.

Xây dựng quy hoạch đào tạo văn hóa, nghệ thuật trong toàn tỉnh nhằm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo văn hóa, nghệ thuật với nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, tạo điều kiện để nâng thành Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch có đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật.

Hoàn chỉnh hệ thống chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành học, các cấp đào tạo văn hóa, nghệ thuật (sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình, biểu diễn, chỉ huy, đạo diễn...) tiếp cận nhanh trình độ quốc tế mà vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa, nghệ thuật dân tộc và những đặc trưng riêng về văn hóa, nghệ thuật của các vùng, địa phương để sử dụng thống nhất trong các trường trên phạm vi cả tỉnh. Bổ sung một số môn học nghệ thuật truyền thống vào chương trình đào tạo.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và phẩm chất đáp ứng nhiệm vụ đào tạo. Thực hiện chương trình nâng cao trình độ cho giáo viên thông qua các hình thức đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước, liên kết đào tạo, mời chuyên gia nước ngoài vào giảng dạy tại trường văn hóa, nghệ thuật; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học. Đổi mới phương pháp dạy và học của giáo viên và học sinh, sinh viên.

Thực hiện việc đưa đi đào tạo ở các nước tiên tiến đối với học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng về tài năng trên các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Chú trọng đào tạo sư phạm nhạc, họa để đảm bảo nguồn giảng viên cho trường văn hóa, nghệ thuật, trường phổ thông từ tỉnh đến cấp huyện, góp phần vào việc nâng cao trình độ thẩm mỹ cho học sinh phổ thông.

Ưu tiên việc đào tạo đội ngũ trí thức văn hóa cho các dân tộc thiểu số, bảo đảm chế độ ưu đãi để họ có thể trở về công tác ở địa phương. Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh các bộ môn nghệ thuật truyền thống dân tộc.

Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp với đặc thù nghề nghiệp của giáo viên, học sinh nghệ thuật để khuyến khích lao động sáng tạo nghệ thuật; khuyến khích nghệ sĩ, nghệ nhân tham gia giảng dạy các ngành nghệ thuật đặc thù. Có cơ chế chính sách huy động trí thức văn hóa đầu ngành, văn nghệ sĩ tài năng trực tiếp chăm lo và thực hiện việc đào tạo đội ngũ kế cận.

Chú trọng đào tạo kiến thức về quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa cho cán bộ cơ sở; khắc phục tình trạng thiếu cán bộ hoạt động văn hóa được đào tạo cơ bản ở các tỉnh. áp dụng chính sách định kỳ và cơ chế bảo đảm chất lượng bồi dưỡng, đào tạo lại chuyên môn cho đội ngũ những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để xã hội hóa hoạt động đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo đi đôi với việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đảm bảo mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài của Đảng và nhà nước.

b. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

Tăng cường đầu tư cho văn hóa, văn học, nghệ thuật; đảm bảo kinh phí cho các chương trình mục tiêu lớn về văn hóa, cho hoạt động sáng tạo của các hội văn học, nghệ thuật. Nâng cấp, cải tạo và xây mới nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm văn hóa, bảo tàng, thư viện... có chất lượng cao, tính chất hiện đại ở thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, huyện Long Thành, huyện Trảng Bom, huyện Nhơn Trạch.

Nhà nước có chính sách ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật then chốt, có vai trò quan trọng trong việc định hướng chính trị, tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ và giá trị xã hội; đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa công cộng; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức kinh doanh dưới sự quản lý và hướng dẫn của nhà nước đối với một số loại dịch vụ văn hóa, nghệ thuật.

Trong các cơ quan, công sở, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp... đều phải quy hoạch xây dựng các thiết chế văn hóa (thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ thể thao...) để phục vụ đời sống tinh thần của cán bộ, công nhân, viên chức.

Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới vào chiếu phim và lưu trữ phim, bảo quản tài liệu, hiện vật bảo tàng, bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, lưu giữ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể, xuất bản, thư viện...

Phối hợp tạo sức mạnh tổng hợp của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

Văn hóa, thể thao và du lịch có mối liên hệ chặt chẽ, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Văn hóa là nền tảng và là điều kiện quan trọng để phát triển thể thao và du lịch; ngược lại, thể thao và du lịch phát triển tạo điều kiện để văn hóa phát huy, giữ vai trò làm động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Việc nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng và nhân cách văn hóa của các hoạt động thể thao và du lịch; phát triển du lịch văn hoá; sưu tầm, khai thác các trò chơi dân gian truyền thống và đưa các bộ môn thể thao dân tộc vào các hội thao và hệ thống giải hàng năm... làm phong phú thêm đời sống văn hóa, là cơ hội để giới thiệu, tôn vinh văn hóa Việt Nam. Việc quy hoạch tạo lập không gian văn hóa thư giãn và thoải mái cho mọi người; phát triển thể thao giải trí... mở ra những cơ hội và khả năng mới cho phát triển văn hóa du lịch. Sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa ba lĩnh vực này tạo nên sức mạnh tổng hợp để phát triển nhanh, toàn diện, hiệu quả, góp phần quảng bá hình ảnh tỉnh Đồng Nai, con người, bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai ra thế giới.

5. Phát huy sức mạnh tổng hợp, tính năng động sáng tạo của các cơ quan Đảng, nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật, thông tin, báo chí và của toàn xã hội trong sự nghiệp phát triển văn hoá

Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của Chiến lược phát triển văn hóa.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các sở, ban, ngành liên quan trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa:

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đưa các nội dung giáo dục lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục gia đình vào trường học dưới nhiều hình thức sinh động, hấp dẫn, thích hợp. Tổ chức hoạt động ngoại khoá cho học sinh, sinh viên tham quan các bảo tàng, di tích lịch sử, di tích cách mạng; xem biểu diễn nghệ thuật truyền thống, lễ hội; tổ chức các cuộc liên hoan, các cuộc thi ca hát trong trường học, thi kiến thức về lịch sử, về văn hoá...

- Phối hợp với Sở Ngoại vụ triển khai hoạt động ngoại giao văn hóa.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế để phát triển và quản lý tốt xuất bản phẩm văn hóa, văn nghệ; văn hóa mạng; quản lý phim ảnh, chương trình ca nhạc nước ngoài đưa lên sóng truyền hình.

- Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh triển khai các hoạt động văn hóa dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về việc đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch trong thanh niên, thiếu niên.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình để giới thiệu rộng rãi các hoạt động văn hóa, các chương trình nghệ thuật, các hình thức sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật của cộng đồng.

Tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhất là Hội Văn học Nghệ thuật trong việc vận động, tổ chức quần chúng, giới trí thức thực hiện nhiệm vụ về văn hóa, sáng tạo văn hóa, giáo dục và định hướng hưởng thụ văn hóa lành mạnh cho lớp trẻ; tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chính sách, chương trình phát triển văn hóa.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục văn hóa, thẩm mỹ, nếp sống và ứng xử văn hóa trong công sở, trường học, bệnh viện; văn hóa doanh nghiệp và kinh doanh; văn hóa trong giao thông; trong tổ chức và hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch; trong sinh hoạt cộng đồng... Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về văn hóa phải gắn với quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy sức mạnh dư luận xã hội gắn với các phong trào hành động của quần chúng. Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản, năng lực làm chủ của nhân dân trong việc tổ chức các hoạt động và sáng tạo văn hóa. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển của các tổ chức nghề nghiệp, các câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật.

6. Giải pháp về vốn đầu tư

Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn; trong đó ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho cơ sở văn hóa của ngành Văn hóa công lập và hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Phân đấu đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư phát triển ngành Văn hóa trong giai đoạn 2016 - 2020 là 3.230 tỷ đồng và giai đoạn 2021 - 2030 là 4.921 tỷ đồng.

Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, xây dựng các chương trình và đề án nhằm tranh thủ nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vốn viện trợ, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế.

Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước các cấp cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ văn hóa, đặc biệt là cán bộ văn hóa cơ sở.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong hoạt động văn hóa thông qua việc huy động vốn từ các doanh nghiệp, các tổ chức, tập thể, cá nhân, để đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa kết hợp với du lịch và thương mại. Khuyến khích phát triển các cơ sở văn hóa ngoài công lập. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tài trợ, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa.

Tỷ lệ nguồn kinh phí huy động từ xã hội hóa trong tổng nguồn vốn đầu tư đạt 30% năm 2020 lên 45% năm 2025 và 60% năm 2030.

Bảng 13: Cơ cấu các nguồn vốn đầu tư ngành Văn hóa đến năm 2030

Chỉ tiêu	Tổng cộng	Giai đoạn 2016 - 2020		Giai đoạn 2021 – 2030	
		Vốn (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Vốn (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng vốn đầu tư	8.151	3.230	100,0	4.921	100,0
- Vốn ngân sách các cấp trên địa bàn	3.583	1.615	50,0	1.968	40,0
- Vốn đầu tư có nguồn gốc ngân sách	1.384	646	20,0	738	15,0
- Vốn xã hội hóa	3.183	969	30,0	2.214	45,0

7. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Hướng dẫn các đơn vị quản lý các địa điểm văn hóa, tổ chức các lễ hội trên địa bàn rà soát và thực hiện các thủ tục lập đề án hoặc cam kết bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng về bảo vệ môi trường cho nhân dân. Xây dựng kế hoạch tăng cường quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Chú trọng bảo vệ môi trường trong hoạt động lễ hội, đảm bảo phải nghiêm yết quy định bảo vệ môi trường tại khu, điểm di tích, lễ hội, sắp đặt, bố trí đầy đủ và hợp lý các công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải và bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển ngành Văn hóa hàng năm. Phối hợp kiểm tra, giám sát và tổng hợp những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy hoạch, báo cáo định kỳ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu kiện toàn, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa các cấp. Hỗ trợ xây dựng các mô hình về gia đình văn hóa; ấp, khu phố văn hóa; xã văn hóa.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hoàn thiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, dự án phát triển ngành Văn hóa.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Quy hoạch và định kỳ hằng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đánh giá kết quả vào cuối năm 2020, năm 2025 và năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan đưa các chỉ tiêu về văn hóa vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.

3. Sở Tài chính

Bố trí kinh phí thực hiện Quy hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà trong việc bố trí kinh phí và sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan giáo dục và đào tạo, lồng ghép nội dung xây dựng nếp sống mới và giữ gìn các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc trong hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục và đẩy mạnh việc đưa văn hóa truyền thống vào trường học như: Dân ca, dân vũ, đờn ca tài tử, thơ...

5. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan tuyên truyền pháp luật, các chủ trương, chính sách liên quan đến công tác văn hóa. Tập huấn nâng cao kỹ năng tư vấn, hòa giải cho cán bộ cơ sở. Phối hợp thực hiện các hoạt động tổng kết thực tiễn về văn hóa.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển và quản lý tốt xuất bản phẩm về văn hoá, văn học, nghệ thuật; văn hoá mạng; quản lý phim ảnh, chương trình ca nhạc nước ngoài đưa lên sóng truyền hình. Đồng thời, cung cấp thông tin và định hướng tuyên truyền cho các cơ quan báo chí về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về văn hóa, về phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng

Nai; chủ trì hoàn thiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án tuyên truyền về xây dựng nếp sống mới và giữ gìn các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa quy hoạch đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp đất xây dựng các thiết chế văn hoá.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về văn hóa; phổ biến, tuyên truyền kết quả triển khai thực hiện trong toàn tỉnh. Tăng cường chuyển giao khoa học và công nghệ đến khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn để phát triển ngành Văn hóa.

9. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về văn hóa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.

10. Ban Dân tộc

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà

a) Đưa các mục tiêu về văn hóa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn và dài hạn của huyện, thị xã, thành phố;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động theo định kỳ hàng năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị xã, thành phố;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện chính sách, pháp luật về văn hóa, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống mới và giữ gìn

các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tỉnh

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể phối hợp tham gia thực hiện Quy hoạch trong phạm vi hoạt động của mình; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; phát triển phong trào xây dựng nếp sống mới và giữ gìn các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc tỉnh Đồng Nai; nâng cao chất lượng nội dung xây dựng gia đình văn hóa làm nội dung trọng tâm, cơ sở để xây dựng danh hiệu ấp, khu phố văn hóa.

b) Đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình xây dựng gia đình văn hóa, no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, đặc biệt là mô hình “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”; mô hình giáo dục các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc.

c) Đề nghị Hội Nông dân tỉnh chú trọng tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện Quy hoạch; xây dựng và nhân rộng mô hình gia đình văn hóa, nông dân tiến bộ, hạnh phúc, không có bạo lực gia đình, không có tệ nạn xã hội.

d) Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh chú trọng việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về văn hóa cho nam, nữ thanh niên về trách nhiệm xây dựng nếp sống mới và giữ gìn các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp.

đ) Đề nghị Liên đoàn lao động tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động công nhân viên chức và người lao động trong tỉnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc và phát triển bền vững. Lấy việc đăng ký và kết quả xây dựng gia đình văn hóa hàng năm là một trong những tiêu chí đánh giá.

c) Đề nghị Hội cựu chiến binh tỉnh chú trọng tuyên truyền, vận động các cựu chiến binh thực hiện Quy hoạch; xây dựng và nhân rộng mô hình gia đình văn hóa, nông dân tiến bộ, hạnh phúc, không có bạo lực gia đình, không có tệ nạn xã hội.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong những năm qua, ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đã được các cấp, các ngành từ trung ương đến các địa phương, cơ sở quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có nhiều kết quả, tạo tiền đề cơ sở cho phát triển các lĩnh vực này trong thời gian tới. Tuy nhiên, còn thiếu quy hoạch phát triển để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Chính vì vậy, việc xây dựng Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là rất cần thiết, đáp ứng các yêu cầu chung về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là sự kế thừa và phát huy những điểm mạnh trên cơ sở phân tích dự báo các yếu tố tác động, cơ hội và thách thức đối với sự phát triển văn hóa, đánh giá hiện trạng, từ đó xây dựng các nội dung Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Nhằm xây dựng ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai, xây dựng nếp sống mới và giữ gìn các phong tục tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc tỉnh Đồng Nai.

Đồng thời, xây dựng các chỉ tiêu, các giải pháp, lộ trình thực hiện và phân công thực hiện Quy hoạch. Trong đó, các giải pháp về cơ chế chính sách, nguồn vốn đầu tư, nguồn nhân lực, tăng cường quản lý nhà nước; kèm theo các dự án cụ thể để thực hiện đồng bộ thực hiện Quy hoạch mạng lại hiệu quả cao.

2. Kiến nghị

- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chọn tỉnh Đồng Nai làm điểm chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu thuộc lĩnh vực văn hóa và xây dựng các Đề án bảo tồn di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Đề nghị các bộ, ngành trung ương liên quan giúp tỉnh Đồng Nai xây dựng các dự án gọi vốn đầu tư và các nguồn viện trợ cho phát triển văn hóa. Ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư vào phát triển văn hóa gắn với các hoạt động vui chơi giải trí. Tạo điều kiện cho nhiều thành phần kinh tế có thể tham gia vào phát triển văn hóa gắn với nâng cao đời sống tinh thần./.

**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
NGÀNH VĂN HÓA TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Hiện trạng các di tích văn hóa lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tính đến tháng 12/2014)

I. Di tích Quốc gia đặc biệt: 1

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
1	Vườn Quốc gia Cát Tiên	1419/QĐ-TTg	27/9/2012	Danh lam thắng cảnh	Các tỉnh: Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước	Bảo quản tốt

II. Di tích quốc gia: 28

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
1	Mộ Cụ thạch Hàng Gòn	147/VH-QĐ	24/12/1982	Di tích khảo cổ học	Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
2	Nhà Xanh	235/VH-QĐ	12/12/1986	Di tích lịch sử	Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
3	Địa điểm chiến thắng La Ngà	235/VH-QĐ	12/12/1986	Di tích lịch sử	Xã Phú Ngọc, huyện Định Quán	Tượng đài đang xuống cấp, cần trùng tu
4	Đài Chiến sĩ (<i>Đài Kỷ niệm</i>)	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích lịch sử	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
5	Tòa hành chính tỉnh Long Khánh	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích lịch sử	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh	Đang xuống cấp, công trình đã hết hạn sử dụng theo thông báo của Pháp
6	Đá chông Định Quán	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích thắng cảnh	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	Bảo quản tốt
7	Đình An Hòa	100/VH-QĐ	21/01/1989	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Xã An Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
8	Chùa Đại Giác	993-QĐ	28/9/1990	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
9	Mộ Trịnh Hoài Đức	1539-QĐ	27/12/1990	Di tích lịch sử	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
10	Đình Tân Lâm	457-QĐ	25/3/1991	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
11	Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh	457-QĐ	25/3/1991	Di tích lịch sử	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt. Đang có KH di dời chính trang đình
12	Chùa Long Thiên	1057-QĐ	14/6/1991	Di tích lịch sử	Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
13	Nhà hội Bình Trước	2307/QĐ	30/12/1991	Di tích lịch sử	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
14	Quảng trường Sông Phố	2307/QĐ	30/12/1991	Di tích lịch sử	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
15	Đền thờ Nguyễn Tri Phương	97/QĐ	21/01/1992	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
16	Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh chống Pháp	2754/QĐ/BT	15/10/1994	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Phước, huyện Long Thành	Đã trùng tu, bảo quản tốt
17	Nơi diễn ra cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp (02/12/1956)	2754/QĐ/BT	15/10/1994	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa	Đang trùng tu, tôn tạo, nâng cao toàn bộ di tích trong năm 2014-2015
18	Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ (Chiến khu Đ)	3744/QĐ-BVHTT	29/11/1997	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
19	Mộ, đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên Địa Hội	722/QĐ-BVHTT	25/4/1998	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Long Bình và phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
20	Địa đạo Suối Linh	61/1999/QĐ-	13/9/1999	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
		BVHTT				
21	Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962)	02/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
22	Chùa Ông (<i>Thất phủ cổ miếu</i>)	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
23	Địa đạo Nhơn Trạch	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	Đã trùng tu, bảo quản tốt
24	Địa điểm thành lập Đoàn 125 - Tiền thân lực lượng vũ trang đoàn kết cứu nước Campuchia	4317/QĐ-BVHTTDL	29/12/2011	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ	Bảo quản tốt, xây dựng nhà lưu niệm, nghĩa trang liệt sỹ Campuchia
25	Núi Chứa Chan	1204/QĐ-BVHTTDL	29/3/2012	Danh lam thắng cảnh	Các xã: Xuân Trường, Xuân Thọ, Suối Cát, Xuân Hiệp và thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Bảo quản tốt, đang khai thác du lịch hiệu quả. Dự kiến khai thác cáp treo
26	Khu danh thắng Bửu Long và chùa Bửu Phong	1535/QĐ-BVHTTDL	25/4/2013	Danh lam thắng cảnh	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa	
27	Căn cứ Sở Chỉ huy đặc khu Quân sự rừng Sác và Đoàn 10 Đặc công rừng Sác	2150/QĐ-BVHTTDL	08/7/2014	Di tích lịch sử	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt. Chưa trùng tu, tôn tạo, khai thác
28	Địa điểm vụ thảm sát Giồng Sắn	3068/QĐ-BVHTTDL	23 /9/2014	Di tích lịch sử	Xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt. Chưa trùng tu, tôn tạo, khai thác

III. Di tích cấp tỉnh: 21

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
1	Bửu Hưng tự (Chùa Cô hồn)	62/QĐ.UBT	16/02/1979	Di tích cách mạng (loại B)	Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	Bảo quản tốt
2	Tòa bố Biên Hòa	62/QĐ.UBT	16/02/1979	Di tích cách mạng (loại B)	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa	Nay là Trụ sở UBND tỉnh.
3	Đình Bình Quan	6527/QĐ-CT.UBT	21/12/2004	Di tích lịch sử	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
4	Địa điểm Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	1566/QĐ.CT.UBND	21/4/2005	Di tích lịch sử	Xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom và xã Bình Sơn, huyện Long Thành	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
5	Nhà cổ Trần Ngọc Du	3524/QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
6	Đình Phú Mỹ	3525/QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
7	Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa	224/QĐ.UBND	23/01/2007	Di tích lịch sử	Ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
8	Đình Phước Lộc	2368/QĐ-UBND	30/7/2007	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành	Bảo quản tốt
9	Thành Biên Hòa	876/QĐ-UBND	21/3/2008	Di tích lịch sử	Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	Đang xuống cấp nghiêm trọng. Kế hoạch trùng tu, tôn tạo năm 2014-2015
10	Miếu Tổ Sư	981/QĐ-UBND	28/3/2008	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
11	Đình Xuân Lộc - chùa Xuân Hòa	982/QĐ-UBND	28/3/2008	Di tích lịch sử	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
12	Đình Hưng Lộc	4070/QĐ-UBND	02/12/2008	Di tích lịch sử	Xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
13	Vườn cao su đầu tiên, sân điếm đồn điền cao su Dầu Giây	2084/QĐ-UBND	24/7/2009	Di tích lịch sử	Xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất	Bảo quản tốt
14	Đình Phước Thiện	3607/QĐ-UBND	07/12/2009	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt
15	Đền thờ Trần Hưng Đạo	3640/QĐ-UBND	29/12/2010	Di tích lịch sử	Ấp 4, xã Bình Sơn, huyện Long Thành	Bảo quản tốt
16	Đình Long Chiến	1783/QĐ-UBND	15/7/2011	Di tích lịch sử	Ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
17	Đình Phú Trạch	3698/QĐ-UBND	26/12/2011	Di tích lịch sử	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
18	Nhà chủ Công ty cao su SIPH	67/QĐ-UBND	05/01/2012	Di tích lịch sử	Xã Suối Tre, thị xã Long Khánh	Bảo quản tốt
19	Địa điểm diễn ra trận đánh giữa Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 4, Sư đoàn 5) và Đại đội 240 Biên Hòa với Tiểu đoàn Mãng Xà Vương Thái Lan vào ngày 20/12/1967 tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	636/QĐ-UBND	01/3/2013	Di tích lịch sử	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt
20	Đình Cẩm Vinh	3968/QĐ-UBND	04/12/2013	Di tích lịch sử	Xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
21	Đình Dầu Giây	3969/QĐ-UBND	04/12/2013	Di tích lịch sử	Xã Bàu Hàm II, huyện Thống Nhất	Bảo quản tốt

Tổng cộng: 50 di tích (trong đó có: 1 di tích quốc gia đặc biệt, 28 di tích quốc gia và 21 di tích cấp tỉnh)

Phụ lục 2: Hiện trạng các tượng đài tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

S TT	Tên tượng đài	Quy mô		Năm Xây dựng	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
		Chất liệu	Kích thước				
1	Tượng đài Đặc công rừng Sác	Xi măng, cốt thép quét ve xanh, ngoài ốp đá hoa cương.	Cao 09 m	1998	Tượng đài liệt sĩ	Tọa lạc trong khuôn viên đền thờ Liệt sỹ huyện (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch)	Hiện nay tượng bị nứt một vài chỗ.
2	Tượng đài Tiểu đoàn 240 (D240)	Tượng đúc bằng đá xanh nguyên khối. Bệ tượng xây xi măng ngoài ốp đá hoa cương. Bức phù điêu đắp bằng xi măng phun màu giả đá.	cao 5,50m, đặt trên bục cao 4m,	2005	Tượng đài liệt sĩ	Tọa lạc trong khu Căn cứ tỉnh ủy Biên Hòa. (xã Bình Sơn, huyện Long Thành)	Tượng mới xây dựng, hiện trạng tốt
3	Tượng đài Chiến thắng	Tượng đài xây bằng bê tông cốt thép, sơn màu giả đồng.	Tượng cao 2,6m, đặt trên bệ xây bằng xi măng có chu vi 7,29m.	2000	Tượng đài Chiến thắng	Tượng tọa lạc trong khuôn viên Nông trường cao su Bình Sơn (xã Bình Sơn, huyện Long Thành)	Đã cũ
4	Tượng anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu	Làm bằng thạch cao, bục đặt tượng xây bằng gạch, xi măng.	Tượng ở tư thế đứng, cao 1m55	1995	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên Ủy ban Nhân dân xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	Hiện trạng tốt
5	Tượng anh hùng liệt sĩ Lý Tự Trọng	Tượng làm bằng thạch cao, bục đặt tượng xây bằng gạch, xi măng.	Tượng đặt ở tư thế đứng cao 1m70	1995	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên Ủy ban Nhân dân xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản và sử dụng hiệu quả
6	Tượng Hùng Vương	Tượng làm bằng đá non nước, bệ đặt tượng làm bằng xi măng, ốp đá hoa cương.	Tượng cao 1,83 m, đứng trên bệ cao 2,2m, rộng 1,8m, dài 2,6m		Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên Nhà máy Bê tông đúc sẵn Hùng Vương (xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu)	Bảo quản tốt
7	Tượng đài Chiến thắng La Ngà	Tượng đài xây bằng xi măng ốp gạch men màu đỏ	Tượng đài cao 15,5m, bục đặt tượng cao 2,5 m	1998	Tượng đài kỷ niệm	Nằm trên đồi thuộc xã Phú Ngọc, huyện Định Quán	Bảo quản, tôn tạo tốt

S TT	Tên tượng đài	Quy mô		Năm Xây dựng	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
		Chất liệu	Kích thước				
					chiến thắng		
8	Tượng Quang Trung	Tượng làm bằng chất liệu xi măng cốt thép, sơn màu giả đồng.	Tượng ở tư thế ngồi trên lưng ngựa, tay cầm kiếm cao 2m; bên tượng cao 1m	1998	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên Trường tiểu học Quang Trung (xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc)	Tượng không thông qua Hội đồng nghệ thuật xét duyệt nên về mặt kỹ thuật và mỹ thuật không cao. Hiện nay, vị trí đặt tượng lệch với vị trí trung tâm của trường.
9	Tượng Phan Bội Châu	Làm bằng xi măng, ngoài sơn giả đồng..	Tượng bán thân cao 70cm, đặt trên bục xây bằng gạch xi măng cao 1,6m	1995	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên Trường tiểu học Phan Bội Châu (thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc)	Bảo quản, tôn tạo tốt
10	Tượng Trần Quốc Toản	Tượng làm bằng xi măng	Tượng ngồi trên lưng ngựa, tay phải phất cờ có tám chữ: phá cường địch báo hồng ân. Tượng và ngựa cao khoảng 2,2m, ngựa dài 1,4m đặt trên bục cao 1,7m.	1997	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong trường Tiểu học Trần Quốc Toản (xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc)	Hiện trạng, cánh tay trái tượng và ngựa đang xuống cấp, bị nứt nhiều chỗ.
11	Tượng Trần Quốc Tuấn	Tượng làm bằng chất liệu đá non nước, bục đặt tượng xây bằng gạch, xi măng	Tượng bán thân cao 0,78m, đặt trên bục cao 1m, hình vuông, bệ tròn xây bằng gạch xi măng, đường kính 1m80.	2001	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc tại trung tâm trường PTTH dân lập Trần Quốc Tuấn (xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom)	Bảo quản tốt
12	Tượng Lý Tự Trọng	Tượng làm bằng thạch cao, ngoài sơn giả đồng,	Tượng tư thế đứng, cao 1,54m, đặt trên bệ xây bằng xi măng cao 1,10m.	2001	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên Trường THCS Lý Tự Trọng (xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ)	Bảo quản tốt
13	Tượng đài Chiến thắng Long Khánh	Xi măng Cốt thép	Tượng cao 9m, bên cao 12m	2001	Tượng đài Chiến thắng	Đường Hung Vương, thị xã Long Khánh	Bảo quản tốt

S TT	Tên tượng đài	Quy mô		Năm Xây dựng	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
		Chất liệu	Kích thước				
14	Tượng Vua Hùng	Thạch cao, sơn màu giả đồng	Tương bán thân cao 1,2m	2003	Tượng danh nhân lịch sử	Đền thờ Hùng Vương, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú	Bảo quản tốt
15	Tượng đài Chiến thắng sân bay Biên Hòa	Thực hiện năm 1994 chất liệu gốm; năm 2012 làm lại bằng đá xanh Bửu Long	- Tượng cao 3m; - Bệ cao 2,8m; - Phù điêu phía sau dài 9,5 m	1994; 2012	Tượng đài Chiến thắng	Đường Nguyễn Ái Quốc - phường Trung Dũng, Tp. Biên Hòa.	Trùng tu năm 2012, hiện trạng tốt
16	Tượng đài Chiến thắng Long Bình	Nhóm tượng làm bằng gốm nung trắng men màu nâu; bực xây bằng đá trộn xi măng, ngoài ốp đá hoa cương.	Nhóm tượng cao khoảng 4,2 m đặt trên bực cao 4m	1994	Tượng đài Chiến thắng	Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa	Tượng đài Chiến thắng Long Bình xây dựng năm 1994, đến nay đã là 20 năm. Quy mô tượng không còn phù hợp với sự phát triển của đô thị. Tượng thấp, bị che khuất bởi cây xanh.
17	Tượng Trịnh Hoài Đức	Bê tông cốt thép	Tượng cao 1,8m; bực đặt tượng ốp đá hoa cương cao 1,8m, dài 1,9m, rộng 1,83m.	1998	Tượng danh nhân lịch sử	Trường THCS Trịnh Hoài Đức (phường Trung Dũng, Tp. Biên Hòa)	Mẫu tượng thông qua HĐNT tỉnh nên chất lượng, mỹ thuật đạt yêu cầu. Hiện trạng tượng tốt.
18	Tượng Trần Hưng Đạo	Tượng bằng đồng, đặt trên bực xây bằng xi măng	-Tượng đứng, cao 02m; -Bực cao 3m, đế bực cao 0,28m, vuông (mỗi cạnh 2,87m).		Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong khuôn viên trường THCS Trần Hưng Đạo.	Tượng là nơi giáo dục truyền thống cho các em học sinh trong trường. Hiện trạng tượng còn tốt.
19	Tượng Nguyễn Tri Phương	Tượng đồng	- Cao 0,7m; - Bệ cao 1,3 m	2003	Tượng danh nhân lịch sử	Di tích đền thờ Nguyễn Tri Phương (phường Bửu Hòa, Tp. Biên Hòa)	Hiện trạng tượng còn tốt
20	Tượng Nguyễn Hữu Cảnh	Tượng đồng	- Cao 1,65m; - Bệ cao 2,9m	2010	Tượng danh nhân	Di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa)	Hiện trạng tượng còn tốt

S TT	Tên tượng đài	Quy mô		Năm Xây dựng	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
		Chất liệu	Kích thước				
					lịch sử		
21	Tượng Trần Văn Ôn	Tượng đồng	- Cao 2m; - bệ cao 2,9m	2006	Tượng danh nhân lịch sử	Trường tiểu học Trần Văn Ôn (phường Bửu Hòa, Tp. Biên Hòa)	Hiện trạng tượng còn tốt
22	Tượng Bác Hồ với các cháu học sinh	Chất liệu xi măng, ngoài sơn trắng, xây bằng xi măng, ngoài ốp đá đỏ.	-Tượng tư thế đứng, hai tay bế hai cháu học sinh; -Tượng đặt trên bục cao 2,48m, dài 0,9m, rộng 0,59m; -Đế tượng cao 13cm, dài 4,18m, rộng 2,26m.	1995	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong trường Mầm non Hướng Dương (phường Quyết thắng, Tp. Biên Hòa)	Tượng đặt ở vị trí không phải trung tâm của trường nên không đẹp. Mẫu tượng không thông qua HĐNT nên yếu tố thẩm mỹ, nghệ thuật không cao. Bục và bệ tượng quá cao so với chiều cao tượng nên nhìn tổng thể tượng quá nhỏ, không cân đối và hài hòa.
23	Tượng đài HIPPOCRATES	Tượng đồng, bệ bê tông, ngoài ốp đá hoa cương	- Cao 2,3 m; - Bục cao 1,3 m	2005	Tượng danh nhân văn hóa	Khuôn viên Bệnh viện Tâm thần Trung ương II (phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa)	Hiện trạng tốt
24	Tượng Lê Hồng Phong	Chất liệu thạch cao, sơn màu giả đồng, bục xi măng, mặt ngoài ốp đá chẻ.	-Tượng đứng, cao 1,74m; - bục cao 1,17m; -Bệ (đế) cao 1,24m,	1996	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong trường PTTH Lê Hồng Phong (Kp 7, phường Hồ Nai, Tp. Biên Hòa)	Đã xuống cấp
25	Tượng Nguyễn Trãi	Làm bằng thạch cao, bục xây bằng gạch, xi măng.	- Tượng đứng cao 1,74m; - Bục cao 1,27m	1990	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong sân trường PTTH Nguyễn Trãi (phường Tân Biên, Tp. Biên Hòa)	Đã xuống cấp
26	Tượng Võ Thị Sáu	Tượng làm bằng xi măng ngoài sơn màu xanh nhạt; bục tượng ngoài tô đá rửa.	- Tượng ở tư thế đứng, cao 1,60m; - Bục, cao 1,20m	1987	Tượng danh nhân	Tọa lạc trong khuôn viên trường PTTH Trần Biên (phường	Trung tu năm 2007, hiện trạng còn tốt

S TT	Tên tượng đài	Quy mô		Năm Xây dựng	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
		Chất liệu	Kích thước				
					lịch sử	Tam Hòa, Tp. Biên Hòa)	
27	Tượng Nguyễn Hữu Cảnh	làm bằng xi măng, sơn màu xám giả đá; bệ xây bằng xi măng, ngoài ốp đá hoa cương	Tượng ở tư thế ngồi, cao 2,70m.	1998	Tượng danh nhân lịch sử	Tọa lạc trong sân trường PTHH Nguyễn Hữu Cảnh (phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa)	Đã qua trùng tu, sửa chữa. Hiện trạng tốt
28	Tượng đài Liệt sĩ	Đá granit		2010		Di tích Trung ương Cục miền Nam (xã Mã Đà, Vĩnh Cửu)	Hiện trạng tốt

Ghi chú: Trên địa bàn toàn tỉnh có 28 tượng và tượng đài (09 tượng đài, 19 tượng).

Phụ lục 3: Tổng hợp các thiết chế văn hóa xã, ấp tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

STT	Tên đơn vị	Trung tâm Văn hóa, Thể thao – Học tập cộng đồng xã		Nhà Văn hóa ấp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thành phố Biên Hòa	12/30	40,00	121/189	64,02
2	Thị xã Long Khánh	9/15	60,00	53/59	89,83
3	Huyện Long Thành	12/15	80,00	84/97	86,59
4	Huyện Nhơn Trạch	5/12	41,66	44/53	83,01
5	Huyện Định Quán	10/14	71,42	33/112	29,46
6	Huyện Tân Phú	11/18	61,11	59/145	40,68
7	Huyện Trảng Bom	9/17	52,94	45/71	64,78
8	Huyện Thống Nhất	8/10	80,00	32/46	69,56
9	Huyện Xuân Lộc	14/15	93,33	83/91	91,20
10	Huyện Cẩm Mỹ	9/13	69,23	54/79	68,35
11	Huyện Vĩnh Cửu	7/12	58,33	5/65	7,69
Toàn tỉnh Đồng Nai		106/171	61,98	425/1.007	60,87

Phụ lục 4: Kết quả thực hiện Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Đồng Nai

Đơn vị tính: %

Chương trình	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Chương trình 1: Ấp khu phố đạt chuẩn văn hóa	87,69	89,47	90,07	91,16	94,24
Chương trình 2: Xã, phường, thị trấn làm tốt công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy	80	77,77	77	83,62	91,23
Chương trình 3: Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn Văn hóa	94,3	95	90,16	92,11	98,07
Chương trình 4: Gia đình đạt chuẩn văn hóa	95,3	96,95	97,38	97,84	98,24
Chương trình 5: Số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	27,8	31	31,5	32,5	33,3

Phụ lục 5: Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển Văn hóa đến năm 2030

HẠNG MỤC	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030	Tốc độ tăng bq (%)		
						2011-2015	2016-2020	2021-2030
1. Đợt Tuyên truyền cổ động trực quan cấp tỉnh	Đợt	137	156	197	222	2,6	4,8	1,2
2. Số cụm cổ động tuyên truyền chính trị	Cụm	61	77	99	121	4,8	5,2	2,0
3. Hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở								
- Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	95,3	98,4	99	99			
- Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa	%	87,7	94,5	95	98			
- Tỷ lệ đơn vị văn hóa	%	94,3	98,3	98,5	99,0			
4. Hoạt động văn nghệ quần chúng								
- Số đội văn nghệ quần chúng	Đơn vị	180	185	194	230	0,5	1,0	1,7
- Số câu lạc bộ	Đơn vị	106	134	164	192	4,8	4,1	1,6
- Số liên hoan/hội thi/hội diễn	Lần	140	171	194	230	4,1	2,6	1,7
- Số lớp tập huấn nghiệp vụ	Lớp	12	12	16	20		5,9	2,3
- Số buổi hoạt động văn nghệ	Buổi	560	641	746	815	2,7	3,1	0,9
- Số lượt người xem văn nghệ	Người	335	458	569	630	6,5	4,4	1,0
5. Hoạt động tuyên truyền lưu động								
- Số đội/cán bộ làm công tác tuyên truyền lưu động	Đội	12	12	12	12			
	1000 người	89	96	108	118	1,5	2,4	0,9
- Số xe thông tin lưu động tổng hợp	Xe	16	16	17	19		1,2	1,1
- Kinh phí đầu tư hoạt động	Triệu đồng	855	1.210	1.670	2.200	7,2	6,7	2,8
- Số buổi hoạt động	Buổi	741	885	980	1.050	3,6	2,1	0,7
- Số lượt người xem	Lượt	403	463	569	577	2,8	4,2	0,1
6. Hoạt động lễ hội								

HẠNG MỤC	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030	Tốc độ tăng bq (%)		
						2011-2015	2016-2020	2021-2030
- Số Lễ hội dân gian/tôn giáo/lich sử cách mạng/văn hóa du lịch/du nhập từ nước ngoài;	Lần	50	50	60	70		3,7	1,6
7. Số triển lãm mỹ thuật, triển lãm nhiếp ảnh,	Lần	03	03	04	05		5,9	2,3
8. Số lượng công trình tượng đài	Công trình	28	28	29	30		0,7	0,3
9. Nhóm chỉ tiêu phản ánh về Thư viện, sách và ấn phẩm								
- Mức độ đáp ứng của thư viện công cộng đối với nhu cầu người sử dụng	%	75	81	90	98	1,6	2,1	0,9
- Kinh phí cấp cho thư viện/năm	Triệu đồng	2.875	5.000	5.500	6.000	11,7	1,9	0,9
10. Chỉ tiêu phản ánh về Điện ảnh								
- Số rạp chiếu bóng, đội chiếu bóng	Đơn vị	02 rạp/ 08 đội	02 rạp/ 09 đội	03 rạp/ 09 đội	05 rạp/ 10 đội			
- Số lượt người xem chiếu bóng	Lượt	796.700	682.880	856.704	1.231.512			

Phụ lục 6: Tổng hợp các thiết chế văn hóa xã, ấp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020

STT	Tên đơn vị	Trung tâm Văn hóa, Thể thao – Học tập cộng đồng xã		Nhà Văn hóa ấp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thành phố Biên Hòa	30	100	189	100
2	Thị xã Long Khánh	15	100	59	100
3	Huyện Long Thành	15	100	97	100
4	Huyện Nhơn Trạch	12	100	53	100
5	Huyện Định Quán	14	100	112	100
6	Huyện Tân Phú	18	100	145	100
7	Huyện Trảng Bom	17	100	71	100
8	Huyện Thống Nhất	10	100	46	100
9	Huyện Xuân Lộc	15	100	91	100
10	Huyện Cẩm Mỹ	13	100	79	100
11	Huyện Vĩnh Cửu	12	100	65	100
Toàn tỉnh Đồng Nai		171	100	1.007	100